

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chancéaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

- * Những vết biến-thiên về phục-sức... *Hoa-Bằng*
- * Văn-hóa vật-chất (III) *Nguyễn-Văn-Tổ*
- * Đại-Nam dật-sự (V) *Ứng-Hòa*
- * Từ Trần bình-Trọng đến Trần-công-Hăng (Hết) *Nhật-Nham*
- * « Đêm Lam Sơn » *Tô Kiều Phương*
- * Tù-y-lừng *Lãng ngâm-tử — Mộng-Sơn*
Hoài-Vân — Giản-chi
- * Tạo-hóa và nhân-loại (IV) *Minh-Tuyền*
- * Lịch triều hiến chương (Hết) *H. B.*
- * Huyện Thọ-xương với thành phố Hà-nội *Trần-huy-Bá*
- * Indrapura (Đồng-dương) (II) *Dương-Kỵ*
- * Những ông nghề triều Lê (LVIII) *Nguyễn-văn-Tổ*
- * Cháy cung Chương-Võ tiêu-thuyết, (I) *Chu-Thiên*

Những vết biến-thiên về lối phục-sức của ta cũng đánh dấu được nhiều nét quan-trọng về lịch-sử

HOA-BANG



DÚNG trong địa-hạt sử-học Việt-nam, chúng ta ngày nay chẳng những phải khảo từ chế-độ, lễ nhạc, văn trị, võ công, nội tu, ngoại nhượng, dân sinh quốc kế này khác, mà phạm những cái có liên-lạc đến cuộc sinh-hoạt của dân ta từ xưa đến giờ, nói tóm, nội các phương-diện chính-trị, kinh-tế, văn-học, mỹ thuật, kỹ-nghệ, xã-hội, phong-tục, tập quán, v. v., kể cái gì có tính-cách về lịch-sử, đều là đối tượng-tượng đề nghiên-cứu cả. Cho nên đối với những thói-tục lặt-vặt như ăn trầu, nhuộm răng, ăn-mặc chẳng hạn, ta nay cũng không thể bỏ qua mà không xét đến được. Vì lắm khi chính những cái nhỏ nhặt ấy đã đánh dấu nhiều vết biến-thiên trên trang quốc-sử ta.

Trong một thời-kỳ màu vàng là một « sắc cấm », chỉ có quốc vương được dùng. Vì sắc vàng, theo quan-niệm của Tàu và ta xưa, là chính sắc, tượng-trưng cho phượng trung-trương, cho quân-chủ, nên màu ấy chỉ dành riêng vào những đồ phục-sức của vua thôi.

Tháng 6, năm Kiến-lân thứ hai (1399), Hồ Quý-Ly mặc áo « Bô hoàng » (1). đi 12 chiếc long vàng, liền bị Nguyễn Dung-Phủ (2) dâng thư hạch rằng «...bô-hoàng là thứ áo gì! Đối với sự gửi-gắm của Tiên-đế (chỉ vua Trần Nghệ-Tông) còn ra sao nữa? » (Khâm - định Việt-sử, quyển 11, tờ 35).

Đến đời Lê Trung-hưng (1533-1787), họ Trịnh nắm hết quyền

chính, chỉ để cho vua Lê giữ cái hư vị mà thôi. Thế mà suốt một thời gian hơn hai trăm rưỡi năm, không một chúa Trịnh nào dám lấn-lướt đến cái sắc vàng là món « độc quyền » của Lê-đế!

Khoa thi Hội năm binh - thìn (1916), trong các đầu bài thi có bài chiếu đề là « Nghĩ kim trung ngoại thần dân y phục bất đắc cận dụng hoàng sắc chiếu » (3). Tổ ra Triều-định bấy giờ thường vẫn bắn khoán về nội thần dân đảng trong đảng ngoài hấy lẫn dùng màu vàng trong đồ ăn-bận, nên mới ra bài chiếu ấy đề cảnh cáo họ, ngăn-giữ họ.

Xét qua màu vàng theo lịch-sử như thế, ta thấy khi nào cái quan-niệm về giai-cấp quá nghiêm-khắc thì phương-diện mỹ-thuật không được nảy-nở tự-do.

23

Sử ta xưa chỉ đề ý ghi-chép những việc sửa định thể-chế về áo mũ chớ van vô bách quan, như triều Đinh làm vào năm ất-hợi, Thái bình thứ sáu (975) (4), triều Trần làm vào tháng 10, năm canh-ty, Hưng-long thứ tám (1300) (5) và tháng 6, năm binh-tí, Quang-thải thứ chín (1396) (6) v.v., chứ ít khi nói đến kiềng ăn-bận của dân-chúng.

Dẫu vậy, nhân một vài bàng-chứng, ta cũng có thể biết sơ được lối ăn-mặc của dân ta ngày xưa:

Hồi Minh thuộc (1414-1428), người Minh, muốn làm tiêu-giệt văn-hóa cổ-hữu của ta, có ra lệnh buộc phụ nữ ta phải bận áo ngắn, quần dài, theo hết lễ-thói

Bắc-quốc. (Khâm - định Việt-sử, quyển 12, tờ 42 a). Như vậy ta biết chắc rằng, trước khi có cấm lệnh ấy, phụ-nữ bình-dân ta mặc váy và áo dài.

Có lẽ « áo khách » là thứ áo cánh may theo kiểu tàu của ta được lưu hành từ hồi bấy giờ cho mãi đến khi ta đã âu-hóa, mà lúc đó trong đám các cụ có người còn mặc đó chăng?

Bình-định vương Lê Lợi vùng dậy từ Lam-sơn, kéo lá cờ nghĩa, đánh Minh ròng-rã 10 năm (1418-1428), chính là đại-biểu cho cái khuyh-hướng của dân-chúng nổi dậy chống những thế-lực có tính-cách lấn-lướt đến văn-hóa cổ-hữu ấy.

Cái lối chít khăn « đầu riu » của đàn-ông ta trong dân-dã trước kia chừng là một lễ-thói từ đời Lê Giu-Tông (1705 — 1728) còn sót lại. Nguyên năm 1718, thượng-thư Nguyễn-Hằng đi sứ sang Thanh, có khảo-sát pháp-chế nhà Minh xưa rồi lượm lấy đem về. Khi làm tướng quốc, ông có sắp đặt về phẩm-phục. Lối ăn-mặc hương (yến phục) của hàng văn thì khăn mỏng (luơng cân), của hàng võ thì khăn đuôi én (yến vũ cân) (Tang thương ngẫu lục, quyển trên, tờ 10 b — 13 b). Có lẽ lối khăn « đầu riu » tức là biến hình của lối khăn « đuôi én » ấy?

Một bài khác, tôi sẽ nói đến lối phục sức của ta từ khi âu hóa.

H. B.

(1) Bô-hoàng là thứ nhị hoa hương đỏ, trông như vẩy vàng. Chùng Quý - ty bấy giờ mặc áo điểm những chấm vàng óng ánh?

(2) Người huyện Hoàng-hóa, tỉnh Fimul-hóa.

(3) Nghĩ một bài chiếu: cấm quần dân trong ngoài không được dùng màu vàng trong đồ ăn mặc.

(4, 5, 6) Khâm định Việt-sử quyển 1, tờ 6 a; quyển 8, tờ 37 b — 38 a; quyển 11, tờ 25.

VĂN HÓA

Số 3

VẬT-CHẤT

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Có một nền văn-hóa cũng cồ như văn-hóa người chim-chích, là văn-hóa Tasmanie (forme culturelle tasmanoïde). Văn-hóa này lan cả ra đầu phía đông-nam châu Úc (Australie) là chỗ đối diện với đất Tasmanie, tức là sang đến chỗ dân Kournai và Chepara, rồi sang đến chỗ « đất lửa » (Terre-de-feu), nhất là vào đám dân Yahgan. Lại lan sang cả xứ Californie ở phía tây Bắc-Mỹ, và dân Bochimán ở châu Phi. Có một điều lạ là những chỗ dân ở vào đầu phía nam châu Phi, châu Úc và châu Mỹ, tuy cách nhau xa lắm, mà văn-hóa lại giống nhau như đúc, giống nhau cả từ nhận-chúng cho đến cả loài động-vật (G. Montandon, *L'ologénèse culturelle*, trang 57-61).

Người Tasmanie hình như cao đến 1 thước 66 phân tây, đầu dài (sous dolichocéphale), mặt to, hàm răng nhô ra đáng trước, mũi to, mắt to, tóc ngắn mà quăn; hiện nay không còn một người nào cả; người Tasmanie sau cùng là người đàn bà chết năm 1878 (J. Deniker, *Les races et les peuples de la terre*, trang 599; G. Lespagnol, *L'évolution de la terre et de l'homme*, trang 480).

Cách kiếm ăn chính là lồi đi hái; biết bắt cá mà chưa biết dùng móc câu, chưa biết nuôi chó; vậy có thể nói rằng lồi văn-hóa đầu tiên chưa biết nuôi súc-vật.

Người Tasmanie lấy lửa bằng lồi xát gỗ: trước hết đục một cái rãnh vào miếng ván, vót một miếng gỗ tròn như chiếc đĩa của ta, lấy một nắm cỏ khô để xung quanh cái rãnh rồi cầm chiếc đĩa, để một đầu vào rãnh, xát đi xát lại mãi, tự-nhiên bật ra lửa. Xem như thế thì lồi xát gỗ cồ hơn tất cả các

lồi khác còn như lồi lấy lửa của người chim-chích thì không biết đục lồi nào cồ hơn cả, vì họ có những hai ba lồi. Người Kournai thì dùng gỗ: lấy một miếng ván đục lỗ tròn và lấy một chiếc đĩa, để một đầu vào lỗ, rồi hai tay xoay mãi như lồi thợ mộc khoan gỗ cho đến lúc bật lửa ra, bèn vào nắm cỏ hay nắm lá khô: như thế gọi là dùng gỗ, có người gọi là dùng cây. Lồi này dùng nhất ở Úc-châu. Nước ta và nước Tàu ngày xưa cồ lẽ cũng lấy lửa bằng lồi này, nên hãy còn truyền tụng bốn tiếng « dùng cây lấy lửa », sách Tàu thì chép chữ « toàn mộc thủ hỏa ». Người Yahgan lại còn biết đánh đá lửa nữa.

Nhà ở thì đan lá thành phen mà lợp, tức là lồi mái bằng, hoặc làm thành túp từ dưới đất khum-khum lên như hình tổ ong, và lợp nóc như hình nón chóp, tức là lồi mái nhà ở phía nam Trung-kỳ bây giờ.

Người Tasmanie không có quần áo mà cũng không biết lấy một thứ lá gì để che thân. Những dân khác, thuộc về văn-hóa Tasmanie, lại không để lộ thân như thế. Người Fuegien ở xứ rất rét và gió luôn, cũng để thân-thề trần-trồng: thật là dân khỏe chịu rét nhất hoàn-cầu. Người Esquimaux ở chỗ rét hơn, nhưng còn có quần áo dày và lều túp để ngồi núp cho ấm.

Người Tasmanie có những ngọn móc và gậy ngắn (tức nhà quê gọi là gậy tây) để ném và để đỡ. Người Yahgan có một thứ giáo để ném, đầu giáo cắm một miếng xương nhọn có ngạnh hay là một đường viền bình răng cưa: họ dùng để bắt cá và đi săn. Có khi tháo cái mũi giáo ấy làm cái lao để bắt cá to, Dân thuộc về văn-

hóa Tasmanie không biết dùng cung.

Họ có cái gậy để bới đất hoặc đào đất. Những đồ bằng đá thì nhiều, như dao, nạo, cào, nhưng sơ sài mà không có cán, không có chuôi gì cả. Đồ đựng thì có bao da và giỏ đan, là cái thành-tích cao-quí nhất của văn-hóa Tasmanie. Những cái giỏ ấy có lồi đan xoắn như kiểu rút rế của ta, có lồi cũng đan xoắn nhưng cồ nan thẳng ở giữa như kiểu đan sọt của ta. Người Yahgan và những láng-giềng trên bờ biển Thái bình-dương, có bốn lồi đan thùng, mủng, giỏ, sọt: ba lồi đan kiểu rút rế, một lồi đan kiểu sọt, nhưng nan xoắn nhiều hơn nan thẳng.

Người Tasmanie cùng những man-di ở Californie, có một thứ bè làm bằng vỏ cây quăn lại như hình cái ống, một ống ở giữa thì hai đầu cong lên và nhỏ đi, hai ống hai bên thì thẳng, buộc ba ống làm một, thành cái bè, trông và cũng như cái thuyền hoặc cái xuồng, dài độ ba thước tây, rộng một thước tây, ngồi được ba bốn người, chỉ dùng để đi từ đảo nọ sang đảo kia, chứ chưa thấy ra đến bờ khơi.

Những người man-di ở Californie thì làm bè bằng ba bó sậy to hơn, buộc làm một, dài đến mười thước tây, có cái làm to làm thấy đi gần khắp bờ biển Thái-bình, châu Mỹ và thượng-lưu sông Nil ở phía đông châu Phi.

Người Tasmanie có tục lấy nhiều vợ; địa-vị người vợ cũng khá. Người Yahgan chỉ lấy một vợ, biết quyền sở hữu, đặt lợi-hệ, mà trong những cuộc khiêu-vũ thì đeo mặt nạ.

(Xem tiếp trang 21)

ĐẠI-NAM DÂN-SỰ

Số 5

Ứng-hoà. NGUYỄN-VĂN-TỐ

IV. — Chính-sách người Tàu đối với nước Nam

Người Tàu cai-trị nước ta, kể từ Triệu-Đà trở đi (207 trước T. C.), có thể chia ra làm hai thời-kỷ. Thời-kỷ thứ nhất từ đời Hán (111 trước T. C.) đến đời Đường (905 sau T. C.): trong khoảng hơn một nghìn năm ấy, thịnh-thoảng nước ta có người nổi lên tự-chủ, như Trưng-vương, Lý Nam-đế, Mai Hắc-đế, Bô-cái đại-vương, nhưng trị-vì không được bao lâu, chỉ được một đời hoặc vài ba năm mà thôi, nên không cần phải tách-bạch ra làm mấy kỷ Bắc-thuộc. Lần thứ hai mất 15 năm (1413-1428), bị người Minh sang xâm-chiếm: chính ra chỉ có bốn năm mà thôi, vì mãi đến tháng chạp ta năm 1413 vua Trần mới bị người Minh bắt, và năm 1418 vua Lê Lợi đã nổi lên, xưng là Bình-định vương, nhưng lúc ấy vua Lê Lợi chưa lấy niên-hiệu, dân-gian hãy còn theo niên-hiệu Tàu.

Hai lần nước ta bị nội-thuộc như thế, người Tàu cai trị ra làm sao, chính-sách ra thế-nào?

Sách thường chép: một nước lớn đối với các nước dỏm quyền, chỉ có mấy cách như sau này: một là bá-chủ, hai là lợi-dụng, ba là thực-dân, bốn là đồng-hoa, năm là hợp-tác, sáu là kế ai phòng.

Nước Tàu lúc đầu sang ta khởi g phải có nhiệt tâm khai hóa như người A rập đi truyền giáo sang Âu-châu vào thế-kỷ thứ 7, cũng không phải chỉ tìm vàng như Tây-

bán-nha sang Tân-thế-giới vào thế-kỷ thứ 16, lại cũng không phải vì trong nước thiếu chỗ ở phải di dân ra nước ngoài như người Anh ở thế-kỷ thứ 17.

Mở sử ta có đoạn chép rằng. « Năm đinh-hợi (214 trước T. C.) là năm 44 của vua Thục An-dương-vương, mà là năm 33 của Tần Thủy-hoàng bên Tàu, lúc bấy giờ người Tần tham nước ta nhiều châu-báu, muốn thôn-tính đất ta, mới bắt những bọn trốn thuế, gửi rề (nghèo không cưới vợ được) và đi buôn ở các đạo ra làm lính, sai hiệu-úy là Đồ-Thư đem đi, sai ngự-sử tên là Lộc đào cử dề vận lương, đi sang thẳng Lĩnh-nam, giết vua nước Tây-âu là Dịch-vư-Tổng, cướp lấy đất Lục lương của ta, đặt ra ba quận là Quế-lâm, Nam-hải và Tượng-quận. Người nước ta đều vào trong rừng rậm, không chịu làm với người Tần, lại ngầm đặt người giỏi làm tướng, đem ra đánh người Tần, giết được hiệu-úy là Đồ-Thư. Nhà Tần mới bắt 50 vạn dân có tội ở bên Tàu, cho Nhâm-Ngao làm quan úy quận Nam-hải, Triệu-Đà làm quan lệnh huyện Long-xuyên, đem những dân ấy sang đóng đồn ở Ngũ-lĩnh. Nhâm-Ngao và Triệu-Đà mới nghĩ đến cái mưu cái-cứ và thôn-linh nước ta » *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 1, tờ 14 a-b).

Xem như thế, thì người Tàu lúc đầu sang ta đã gồm cả ba cách bá-chủ, lợi-dụng và thực-dân. Còn như cách đồng-hóa, hợp-tác và

khai-phóng, sẽ xét sau trong truyện những người sang dò-hỏi. Những đại-khai có thể nói tóm ngay rằng phần nhiều chỉ lợi cho họ, ít lợi cho ta. Tuy vậy, trong những ông quan sang cai-trị ta, cũng có nhiều ông có chính-sách hay, như ông Huống-Điền, sử ta không thấy chép đến, chỉ thấy quyển *An-nam chí nguyên* (quyển 2, trang 150) dẫn sách *Nam-Việt chí* phụ sau này: « Huống-Điền (tên tự là Lâm dương, người Trung-sơn) làm tư-đồ, vì người cương-trực, bị tội phạm thượng, phải ra làm thứ sử châu Giao, chính-sự thanh, ân-huệ khắp, rất được lòng dân ».

Cũng có nhiều người tham-khắc, nên dân lại nổi loạn, bên Tàu lại phải cử người khác sang cai-trị.

Lại xem như truyện Trương-Kiều dưới này, trong có lời đề-nghị của Lý-Cổ nói về việc di-dân, tức như cái chính-sách của vua nước Âu-châu đang thực-hành bấy giờ: đọc kỹ lời đề-nghị ấy, sẽ thấy còn nhiều chính-sách khôn-khéo, hiện nay người ta còn theo.

Tháng tư năm đinh-sửu (137 sau T. C.), biểu Vĩnh-hòa thứ hai đời Hán, người Chăm ở huyện Tượng-lâm, quận Nhật-nam, tên là Khu-liên (Cưi Mára), kéo vài nghìn người đánh phá huyện đường đốt thành và chùa, giết trưởng-lai. Thứ-sử Giao-chỉ là Phán Diễn đem hơn vạn quân ở quận Giao-chỉ và quận Cửu-chân đến cứu. Quân sĩ sợ đi xa, quay lại đánh phủ trị. Phán Diễn dẹp yên được bọn làm phản, nhưng trong khi ấy thế của bọn Khu-liên lại mạnh thêm lên.

Thị-ngự-sử bên Tàu là Giả-Xương đi kinh-lược Nhật-nam, cùng với quan quân ở châu quận,

góp sức để đánh Khu-liên, nhưng không được, lại bị vây. Hơn một năm quân và lương không đem đến được. Vua nhà Hán lấy làm lo, với các quan công khanh và duyệt-thuộc bốn phủ đến hỏi mưu-kế: ai cũng bàn sai tướng đem bốn vạn người ở bốn châu Kinh, Dương, Duyện, Dự sang đánh.

Đại-tướng-quân từng-sự trung-lang là Lý-Cổ bác rằng: « Châu Kinh, châu Dương thì trộm giặc tụ họp; quận Trảng-sa, quận Quế-dương thường bị bắt ra lính nhiều lần; nay nếu lại bắt đi, chắc là sinh biến. Còn người ở châu Duyện, châu Dự, nếu bắt đi xa đến muôn dặm, mà chiến-thu, thức-dục, chắc sinh ra làm phản hoặc đi chôn. Đất Nam châu ấm-ấp và nóng-nực, lại thêm khí độc: quan quân đến đây mười phần, chắc chết bốn năm. Đi xa muôn dặm, quân sĩ nhọc mệt, đến được Lữ-lâm, lại không chịu đánh. Quân đi mỗi ngày được 30 dặm, mà từ châu Duyện, châu Dự, cách quận Nhật-nam hơn chín nghìn dặm, phải 300 ngày mới đến, mỗi người phải đem năm thăng lương. Đến rồi đến 60 vạn斛 gạo, chưa kể những lương ăn của tướng-lại và lính ngựa. Mang theo đấy tiến như thế, đi được đến nơi mà hạ trại, chắc là chết và trốn đi mất nhiều. Đã không đủ chống nhau với giặc, lại đem đi như thế, sợ là cắt lòng và bụng (tâm phúc) để và bốn châu tay. Quận Cửu-chân cách quận Nhật-nam bốn nghìn dặm, đem lại dân thì còn chẳng chịu nổi, huống chi lại bắt khổ dân bốn châu để chịu cái nạn muôn dặm được từ trước kia. Trung-lang-tướng là Doãn-Tự đi đánh những quân làm phản ở châu Ích, người châu Ích có tâm ngán-

ngũ rằng: « Giặc đến còn khá, họ Doãn đến chỉ giết ta » (Lỗi lại thượng khả, Doãn lai sát ngã). Sau phải với Doãn-Tự về, lấy quân giao cho thứ-sử là Trương-Kiều (cựu-sử chép nhầm Trương-Kiều làm chức châu-phán). Trương-Kiều nhân tướng-lại ấy, trong một tuần-nhật dẹp yên tất cả giặc cướp: ấy là cái bằng-cớ đem tướng đi với Ích, dùng người châu-quận còn hơn. Nay nên chọn người có dũng-lực nhân huệ làm nội-tướng-sứ, cho sang làm thứ-sử, thái-thủ, cùng đi một lúc sang Giao-chi. Ở Nhật-nam quân ít, lương không có, giữ đã không đủ sức, đánh lại sao nổi, nên cho đem tất cả lại dân về phía bắc Giao-chi (tức kỳ lại dân, bắc y Giao-chi), sau khi yên việc, cho về chỗ cũ. Lại mộ quân man-di để đến đánh, lấy vàng lụa để dử, người nào dụ được chúng đầu hàng, sẽ cắt đầu phong hầu cho. Quan thứ-sử cũ ở Tinh-châu là Chúc-Lương (người huyện Lâm-tương, quận Trảng-sa) tính người dũng-quyết, và Trương-Kiều là người Nam-dương trước kia đã có công dẹp giặc ở Ích-châu, đều dùng được cả, nên phong ngay cho họ Chúc-Lương, Trương-Kiều và sai đi đến chỗ làm quan.

Bốn phủ đều theo lời bàn của Lý-Cổ. Vua liền phong cho Chúc-Lương làm thái-thủ Cửu-chân, Trương-Kiều làm thứ-sử Giao-chi. Trương-Kiều đến châu lấy lòng thành-thực dụ hảo, ai cũng hàng phục. Chúc-Lương đi xe một mình đến Cửu-chân, lấy uy-tín bảo dân, hàng được vài vạn người (chép theo *Hai-Việt Sử-ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 5 b; còn *Khâm-định Việt-sử*, quyển 2, tờ 21 b, chép Trương-Kiều đến

châu võ-về, hiệu dụ: bọn làm phản đều hàng và tan đi; Chúc-Lương đến Cửu-chân đi xe một mình vào trong đám làm phản, bày mưu-kế tỏ ra uy-tín, hàng được đến vài vạn người), từ bấy giờ đất Lĩnh-ngọai (tức Tượng-lâm) lại yên.

✱

Dưới truyện Trương-Kiều, sử ta chép truyện Hạ-Phương, Chu-Tuất và Giả-Tung, lời dịch ra đây để đọc giả xem cái chính-sách của người Tàu đối với dân ta trong hai thế-kỷ thứ nhất và thứ nhì là làm sao.

Hạ-Phương, người đời Hán, quân Cửu-giang, tên tự là Công-Lược. Tháng mười năm giáp-thân (144 sau T. C.), niên hiệu Kiến-khang thứ nhất đời Hán, hơn nghìn người ở quận Nhật-nam đánh đốt quận Ấp, phiên-dòng đến quận Cửu-chân, cùng liên-kết để làm loạn. Hạ-phương làm thứ-sử Giao-chi, chiếu-dụ bằng ấn-dức: bọn phản-nghịch đều hàng phục. Khi Lương thái-hậu làm triều, khen công Hạ-Phương, thăng làm thứ-sử Quế-dương (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 2, tờ 21 a, chép là thái thú Quế-dương; *An-nam chí nguyên*, trang 149, chép là thứ-sử, cho Lữ-Tảo sang thay. Cách ít lâu có quan lệnh ở huyện Cơ-phong tham-bạo quá chừng người trong huyện là Chu-Đạt tụ-hợp quân man-di đánh giết huyện-lệnh, quân đến bốn năm nghìn người đánh quân Cửu-chân, Thái-thủ Cửu-chân là Ngô-Thị chống nhau bị chết. Nhà Hán đô-uy quận Cửu-chân là Ngụy-Lãng đến phá được. Nhưng đầu sỏ còn đóng đồn giữa N

(Xem tiếp trang

Danh-nhân nhà Trần

Từ TRẦN-BÌNH-TRỌNG

đến TRẦN KHÁT-CHÂN

và TRẦN CÔNG-HẠNG

(Tiếp theo và hết)

NHẬT-NHAM

NĂM thứ 12 niên hiệu Xương-phù đời Trần-Phế-đế (1388), Khát-Chân và Công-Hạng đều thi đỗ Thái-học-sinh.

Kịp khi vua Thuận-Tôn (1388-1398) lên ngôi, năm thứ bá niên hiệu Quang-thái (1390), Khát-Chân được phong làm Long-tiếp tướng-quân.

Bấy giờ, trong triều Lê-Quý-Ly chuyên quyền, chọn những người thủ-túc cho cai quản các đội quân để làm vây cánh; ngoài thì giặc-giã nổi lên cướp phá các trấn, dân-tinh khổ-sở trong cảnh lầm than!

Lợi-dụng tình-thế ấy, quân Chiêm-thành sang xâm-lấn bờ cõi nước ta. Năm kỷ-tỵ (1389), Chế-Bồng-Nga đem quân ra đánh Thanh-bóa. Thượng-hoàng Nghệ-Tôn sai Thủ tướng Lê Quý Ly xuất chư tướng đem binh vào chống giữ ở xã Cồ-vô. Quân ta đóng cọc ngăn sông, chống nhau với giặc hơn 20 ngày, bất phân thắng phụ. Bèn dịch phục binh, rồi giả trá rút quân về. Lê-Quý-Ly không ngờ, đem toàn quân thủy bộ đuổi đánh, bị phục binh bên địch đồ ra giết hại mất nhiều. Lê-Quý-Ly đại bại, chạy trốn về kinh, đề tỵ-tướng là Phạm-Khả-Vĩnh và quyền Thánh-dực-quân tướng là Nguyễn-Đa-Phương ở lại chống nhau với địch quân tại Ngu giang. Nguyễn-Đa-Phương liệu sức không đương nổi thế giặc, bèn giả cờ, dàn thuyền, đề dương

thanh-thế, rồi chờ đến đêm, trong lúc quân Chiêm-thành không đề ý tới, yên lặng rút quân về.

Đến tháng 11 năm ấy (1389), quân Chiêm-thành lại tiến đến sông Hoàng-giang (khúc sông Hồng-hà thuộc phủ Lý-Nhân tỉnh Hà-nam). Thượng-hoàng Nghệ-Tôn sai quan Đô-tướng là Trần-Khát-Chân đem quân ra cự địch.

Trần-Khát-Chân phụng mệnh, khẳng khái, khóc mà nói rằng: « Nước Chiêm-thành vẫn được nước ta phụ dung. Từ niên hiệu Đại-trị (1358-1369) trở về trước, năm năm vẫn thường cống tiến nước ta. Thế mà bắt đầu từ niên hiệu Thiệu-khánh (1370-1372), quân Chiêm-thành dám xâm-lược vương-kỳ, khinh-phạm xa-giá, tội không thể dung được. Đại-tướng xuất-sứ đều đại bại trở về. Nay thần phụng mệnh xuất-chinh, nếu binh được Chiêm-thành thì thật là trời quang mây tạnh để lộ mặt trời tươi sáng lúc bình minh. Túng sử Chiêm-thành thế mạnh, không đương nổi thần sẽ về ngay cửa khuyết ».

Trần-Khát-Chân nói xong, lay, khóc, rồi ra đi. Thượng-hoàng cũng giọt châu lã-chã tuôn rơi.

Trần-Khát-Chân đem quân từ Lô-giang đến Hoàng-giang, ngắm xem địa thế không lợi cho việc hành-quân, bèn rút quân về đóng ở sông Hải-triều (sông Luộc thuộc địa-phận Tiên-lữ, Hưng-yên).

Tháng giêng năm Canh-ngọ (1390), Chiêm-chủ là Chế-Bồng-Nga đem hơn 100 chiến-thuyền đến xem hình-thế quan-quân bên ta. Các thuyền chưa kịp họp lại thì tiêu-thần của Chế-Bồng-Nga là Ba-Lậu-Kê bị trách phạt. Kê sợ phải giết, bèn chạy đến doanh Long-tiếp hàng với Trần-Khát-Chân. Khi Bồng-Nga đem hơn 100 thuyền đến gần trại Khát-Chân, Ba-Lậu-Kê chỉ thuyền Chế-Bồng-Nga cho Khát-Chân mà rằng: « Chính chiếc thuyền sơn xanh kia là thuyền chúa Chiêm-thành ! »

Khát-Chân bèn truyền quân-sĩ lấy súng cùng hướng vào thuyền ấy mà bắn. Chế-Bồng-Nga trúng phải đạn, chết ngay trước khoang thuyền.

Quan quân đồ ra đánh. Dịch-quân đã mất chủ-tướng, đều sợ hãi bỏ chạy cả. Quân ta cắt lấy thủ-cấp Bồng-Nga đem về kinh báo-tiếp. Còn thi-thể Bồng-Nga thì tướng Ghiêm-thành là La-Khải cướp được, đem hỏa-táng, rồi trở về nước, chiếm lấy ngôi vua Chiêm-thành. Hai người con Bồng-Nga phải chạy sang hàng nhà Trần, đều được đặc-phong tước hầu cả.

Khát-Chân dẹp xong giặc Chiêm-thành sai Quân-giám là Lê-khắc-Khiêm đem thủ cấp Bồng-Nga dâng Thượng-Hoàng rồi kéo quân về kinh, ca khúc khải hoàn. Thượng-hoàng trông thấy thủ-cấp Bồng-nga, rất đổi vui mừng, tự ví mình như Hán-Cao-Tổ thấy đầu Hạng-Vũ.

Vua Thuận-tôn định công thưởng tước cho các tướng-sĩ, phong Khát-Chân làm Phụng-chấn hội-vệ thượng-tướng-quân, gia phong Vũ-tiết Quan-nội-hầu, được cấp hai tòng Đông-thành và Nguyễn-xá làm thái-áp.

Niên-hiệu Quang-thái năm thứ 4 (1391), vua Thuận - Tôn phong Công-Hạng làm Thái - bảo, gia phong Thượng-vị-hầu và cấp hai xã Hưng-nguyên, Trường-lạc làm thái-ấp. -

Sau vua Thuận-Tôn lại ban xã Cồ-mai (nay là Hoàng mai) cho hai anh em Khát-Chân làm thái-ấp. Khát-Chân và Công-Hạng sai đắp đất làm nhà tại Cồ-mai để ở.

Từ khi giặc Chiêm-thành đã bình, Lê-Quý-Ly càng ngày càng rộng-rỡ. Uy-quyền ngày một to, vây cánh ngày một nhiều.

Sau khi Thượng-hoàng Nghệ-tôn đã thăng-hà (1394), Quý-Ly lên làm Phụ-chính thái-sur, chuyên làm mọi việc để mưu sự thoán-đoạt.

Đến năm mậu-dần (1398), Quý-Ly bắt Thuận-tôn phải nhường ngôi-cho con là An mới lên 3 tuổi. Thái-tử lên ngôi tức là Thiếu-đế.

Lê-Quý-Ly làm phụ-chính, tự xưng là khâm-đức hưng-liệt đại-vương, rồi sai người giết Thuận-tôn đi.

Trần-khát-Chân thấy vậy bàn với em : « Anh em ta thụ hậu-ân của triều-đình, không thể không báo đáp. Ngày nay, Lê-Quý-Ly thì rình rập, tội ác tràn ngập cả trời đất, nếu không trừ ngay, tất hại về lâu. »

Rồi hai anh em liên-kết thiếu-thần, lập đảng để mưu-trừ Quý-Ly.

Gặp thời Lê-Quý-Ly hội các quan trên đỉnh núi Đốn-sơn (Thanh-hóa) để hành lễ minh-thệ. Khát-Chân thỉnh Quý-Ly lên ngồi trên nhà lầu trông xuống. Quý-Ly dùng nghi-vệ như của thiên-tử. Một mặt Khát-Chân mặt sai Phạm-Tồ-Thu và Phạm-Ngư-Tất giấu kiếm, đứng bên cạnh Quý-Ly, để thừa cơ ám sát. Phạm-Ngư-Tất để lộ chuoôi

kiếm ra ngoài. Khát-Chân đưa mắt báo Ngư-Tất biết, nhưng Ngư-Tất không đề ý tới. Quý-Ly làm động, đứng dậy, nhờ có vệ-sĩ ủng hộ, nhảy được xuống đất. Phạm-Ngư-Tất ném theo kiếm, nhưng không trúng.

Việc bại-lộ Lê-Quý-Ly bắt hai anh em Trần-Khát-Chân, Trần-Công-Hạng, Phạm-Ngư-Tất cùng thân-đẳng; hơn 370 người đều bị hại, tống cả tại Đốn-sơn. Gia-quyển đều bị bắt con gái thì làm nô tỳ, con trai từ một tuổi trở lên thì hoặc hoặc bị giết, hoặc bị giam xuống sông. Một mặt Quý-Ly cho tìm-nã các dư-đẳng để trừ cho hết rễ.

Gia-nò của Trần-Khát-Chân là Vũ-foản trốn được về Đông-đô (Hà-nội) đến làng Cồ-mai thu hết gia-tài của hai anh em. Khát-Chân đem phân phát cho người trong xã. Dân Cồ-mai lập miếu phụng-sự, lấy đá khắc tượng thờ.

Hiện-nay, có đền thờ tại sườn núi bên đông Đốn-sơn, lại có đền thờ tại xã Phương-nhai, cạnh đường Hoa-thạch, ba tổng Cao-mật, Bình-bút, Nam-cai phụng-sự.

Đến niên hiệu Hồng-đức (1470-1497) năm thứ 5, Triều đình nêu-rệt những người trung-nghĩa, ra lệnh cho các quan phủ, huyện tìm kiếm con cháu hai anh em Khát-Chân, nhưng không còn một ai, nên phải tìm một người độc thuộc cho coi việc quấy và thu thuế cũng phụng hương hỏa.

Các triều đều bao phong làm Tả-vọng-đại- phu-thần.

Về việc Trần Khát-Chân và Trần-Công-Hạng mưu giết Lê-Quý-Ly, không thành, rồi bị hại mấy sử-gia có hạ lời phê-bình :

Sử-thần Ngô-sĩ-Liên chê là vì bị oai thế Quý-Ly là nên làm mất cả khí-phách, nên khiếp sợ mà thất bại.

Ngô-thời Sĩ-chê là mưu của kẻ sắt-phu ; việc cần phải nhanh chóng mà chỉ vẽ chĩnh nghi, thủ hạ. Cuối đời Trần, nhân tài suy kém, đều như thế cả.

Đó là những nhời phê-bình với vàng của sử-gia thường quen trách bị kẻ hiền-giả đó thôi.

Có biết đâu đương-thời Quý-Ly thế như mãnh hổ gầm ghì, ai đứng sau mà chẳng khiếp-dâm ! Thế mà một mình Khát-Chân dám cùng em là Công-Hạng mưu giết Quý-Ly, đứng lên khởi xướng, cho thiên hạ tuyệt-diệt kẻ loạn lạc, khiến không hề có chỗ dung-thôn trong vòng trời đất. Tuy việc chẳng thành, nhưng khí anh-liệt vạn thế cùng tạo-hóa trường thọ hương-hỏa miếu-mạo sáng sủa như mặt trời, mặt trăng. Ngàn năm sự-nghiệp còn ghi, hình ảnh bất diệt, đời đời khởi kính.

Như vậy há nên lấy cuộc thành bại mà luận anh-hùng ru !

Ôi ! Việc có thành bại, thân có an nguy, tuy việc mưu giết Quý-Ly không thành, anh đành chết theo xã tắc nhà Trần mà em cũng vui lòng nổi gót anh, không chịu thụ ả Hồ-ngụy, cam tử-tiết dưới chân núi Đốn-sơn, để bao nạn chính khí vẫn còn nghìn thu phương danh bất hủ.

Từ Trần bình Nguyên tuần tiết không chịu « là n vương đất Bắc » đến anh em Trần Khát-Chân, Trần Công-Hạng, không chịu khuất phục Ngụy Hồ, một dòng võ-tướng, một nhà trung nghĩa, vạn cổ lưu phương thực không thẹn là đồng-dối vua Lê-dại-danh, một Hoàng đế đã từ Hoa-Lư mở nước, bắc phá Tống, nam bình Chiêm để đem lại cho tổ-quốc cuộc thanh bình thịnh-trì !

(Hết)
NHẬT-NHÀ

« ĐÊM LAM SƠN »

(kịch lịch-sử 4 hồi của Hoàng-Mai)

Tô Kiều-Phương Viết

rong ba đêm diễn kịch (14, 21, 24 juillet 1943) do sinh viên Nam kỳ tổ chức tại nhà hát địa phương Saigon, vở *Đêm Lam Sơn* của Hoàng-Mai được diễn đến hai lần.

Lần thứ hai vào đêm 24 juillet càng đặc sắc hơn lần đầu.

Trước khi khai diễn, trước lò hương thơm, một đám sinh viên mặc quốc phục, vẻ thành kính hoài niệm người xưa, đứng đợi bạn Mai văn Bộ nói xong về ý nghĩa vở *Đêm Lam Sơn*, rồi mới trời giọng hát bài *Đêm Lam Sơn* của nhạc sĩ Lưu Hữu-Phuộc.

— *Đã bao nhiêu lâu, chúng ta sống như những kẻ vong bản. Ngày nay nhân có phong trào quốc gia phục hưng, ta mới tỉnh ngộ quay lại nhìn dĩ vãng. Nhiều đảng anh hùng cứu nước sự nghiệp hiên hách của quốc sử bị ta bỏ quên, trong số đó Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi, đất Lam Sơn khởi nghĩa diệt quân Tàu đem lại sự độc lập cho dân ta rất vẻ vang. Đêm diễn vở *Đêm Lam Sơn*, anh em sinh viên chúng tôi không có cao vọng đạt được tới chỗ tột cao của kịch trường, mà chỉ là xem đó là một phương tiện nhất nhờ đồng bào nhớ lại một đoạn lịch sử rất vẻ vang của dân tộc ta. Chúng tôi xin quý ngài hãy đứng dậy (khán nhất loạt đứng dậy ca) cùng chúng tôi kính cầu cũi đầu trước hương đang tỏa khói lam nghi*

ngút bình như sắp bay đến tận non La n ngày nay hãy còn bâng bặc cùng cỏ cây mây nước Nam-Việt».

Một tràng pháo tay đưa bạn Mai văn-Bộ vào. Và ai nấy đều lắng nghe khúc nhạc *Đêm Lam Sơn* u buồn mà không kém vẻ hùng dũng.

Lòng khán giả đang còn rộn ràng bao nhiêu phần khởi, sôi nổi bao nhiêu nhiệt huyết, thì trong hồi đầu, cảnh cha con Nguyễn-Trãi biệt nhau nơi quán tái, liền đem đến một té tái gọi lên bao nhiêu xót thương và kính phục đối với vị lão quan Nguyễn phi-Khanh, khi ông dặn con lúc biệt ly:

— *Nhớ cha phải nhớ lo cho nước. Đừng để giang sơn chịu thiệt thòi!*

Câu ấy nay đã hình như một câu bất tử. Chúng tôi thường nghe nhiều kẻ nhắc đi nhắc lại và đã thuộc lòng câu ấy.

Trong hồi thứ hai, Trần nguyên-Hãng (giòng giới Hưng-đạo Vương Trần quốc-Tấu) giả làm kẻ bán dầu đi tìm Nguyễn-Trãi, lúc ấy đổi tên cải dạng ngồi dạy học ở một làng nhỏ. Nguyễn-Trãi nghi tân khách là một tay sai của quân Tàu đi dò xét mình nên cứ đem câu thơ của Lý thái Bạch: « *Xử thế nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sanh?* » tỏ bày tâm chí tầm thường của mình. Đến chừng

bị Trần nguyên-Hãng mắng mới chịu tỏ thiệt tâm huyết: thù cha, nợ nước ngày đêm mang nặng bên lòng...

Thế rồi hai anh em dặc nhau đi đến Lam Sơn tìm Lê-Lợi.

Hồi thứ ba, Nguyễn-Trãi và Trần nguyên Hãg đang còn nghi ngờ tâm thuật của Lê Lợi thì có Đỗ Phủ — một tay sai của quân Tàu — đến viếng Lê-Lợi, thuyết Lê-Lợi hàng Tàu mưu cầu phú quý. (Trần, Nguyễn lui vào hậu đình). Đỗ khoe giày q í, áo tốt, vợ đẹp, hầu xinh — toàn những cảnh sung sướng của những kẻ bán nước mưu cầu sự an toàn cho gia đình. Khi Đỗ về rồi, Lê-Lợi mới than một mình:

— *Thế nào là mưu cầu sự an toàn cho gia đình? Phải chăng đem bán nước? Ta há quên được rằng: nước còn là gia đình còn. Nước mất, nhà cũng phải tan. Quân tiểu nhân đừng mong đem bảo vinh hoa mà cản vó ngựa thiên lý của người trảng sĩ.*

Giữa lúc ấy có kẻ thuộc hạ mang gươm báu vào dâng nạp, bảo rằng-nhất đợc trên núi Lam Sơn. Trong gươm thiêng, lộ lộ những giòng chữ thánh trao phó vận mạng đất Việt-Nam cho Lê-Lợi. Lê-Lợi cầm gươm báu chỉ về phía kẻ thù, thề sống chết.

Hồi thứ tư, bày cảnh đêm Lam Sơn. Trước ngọn lửa hồng, Lê Lợi trước mặt tướng sĩ thề *lấy máu rửa nhục cho quốc* (khán giả vỗ tay!), ra lệnh chém đầu một kẻ thuộc hạ, phản bội và quyết định xuất binh diệt quân Tàu. Nguyễn-

MỘT CUỘC ĐỐ TẬP KIỀU

(Có giải thưởng)

- 1 — Đỉnh ninh hai mặt một lời,
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.
- 2 — Chút chi gần bó một hai.
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm hương
- 3 — Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Chẳng trong chốn gối cũng ngoài cầm thơ.
Nhác trông nhìn nhợt màu da,
Họ Kim, tên Trọng, vốn nhà Trâm Anh
- 4 — Nghĩ rằng khôn nổi dẫu màu
Cơ duyên nào đã hết đầu vôi gì?
Đầu xanh đã tội tình chi?
Chờ cho hết kiếp còn gì là duyên?
- 5 — Đoàn tràng cho hết kiếp này,
Nhìn nhau giọt ngấn, giọt giải nguồn ngang.
- 6 — Rằng không thì cũng vụng lời...
Nghĩ con dẫu vẻ, thương người nét na.
- 7 — Biết đâu ấm, lạnh biết đâu,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào.
- 8 — Cửa nhà dù tỉnh về sau,
Chiều con mới dậy, mặc dầu ra tay.

Bốn câu đố 1, 2, 3, 4, đoán mỗi câu là một vật gì, (trong phạm vi Công chức).

Câu 5: là vật gì (ngoại phạm vi Công chức)

Câu 6: một chữ nho.

Câu 7: tên một vị võ quan chép ở Sử Nam.

Câu 8: một câu phương ngôn 4 chữ thường nói ở nơi hương âm.

Ngoài 8 câu đố trên này, Bản Hội lại yêu cầu vịnh bằng những câu tập kiêu, về hội Liễu Hưu Lương-Tế. Hạn từ 8 câu đến 10 câu (6 chữ và 8 chữ là hai câu).

Giải thưởng

Thượng: 1 năm báo Tri Tân và nửa cân trà.

Trung: 1 năm báo Tri Tân

Hạ: nửa năm báo Tri Tân

Tuy giải thưởng không đáng bao nhiêu, nhưng là một cuộc thử tài tao nhã. Bản hội yêu cầu các Công chức và các bạn làng văn dự chơi cho vui.

Xin đề cho: Monsieur le Président de l'Assecoursi 82 Rue Goussard Hanoi; ngoài phong bì nên đề: Cuộc thi đố.

Hạn đến 15 Novembre 1943 là cuối cùng.

Bản Hội sẽ đánh số thứ tự những bài thi, và sẽ cử một ban đề xét thưởng.

ASECOURSIF cần bạch

Trãi ra căn phân trần lợi hại, bày mưu thiết kế. Suốt đêm chưa tới mưu mưu tính tính... Mà đêm hết không hay.

Buổi rạng đông đến với Ánh triều dương chói rạng mang lại cho lòng dân đứng sĩ Lam Sơn một hoan lạc đặt tất cả tin tưởng vào Ngày Mai tốt đẹp của dân tộc, Việt-Nam.

Màn hạ. Kịch dứt.

Trước khi chia tay, khán giả một dân, sinh viên lại mặc quốc phục, như trước khi diễn

ra dợt bạn Mai-văn-Bộ giới thiệu bản nhạc Ai-Chi-Lăng của Lưu-hữu-Phước, rồi mới trời giọng hát bản anh hùng ca ấy.

— «... Đoàn dũng sĩ Việt-Nam, Mai-văn-Bộ nói, tề tựu tại Lam Sơn đêm hôm ấy, rồi đem xương máu đề dõ lấy một chiến công oanh-liệt cho giống nòi tại Ai-Chi-Lăng.

Ai-Chi-Lăng là hình ảnh của cả một thời oanh liệt qua cửa

dân tộc Việt Nam.

Ai-Chi-Lăng là chí khí của giống nòi!

Ai-Chi-Lăng là muôn tiếng sắt rền trong máu!»

Và bạn Mai-văn-Bộ mời tất cả khán giả đứng dậy, trước khi ra về, cùng hát với sinh viên bài « Tiếng gọi sinh viên »

Giọng hát phụ họa vang rền gần võ trăn rạp hát Địa-Phương Saigon!.

TÔ-KIỀU PHƯƠNG

TUY HÙNG:

ĐỀ KIỀU

Giai nhân bất thị đáo Tiền-đường,
Bán thể gien hơ trái vị thương!
Ngọc diện khởi ưng mai thủy quốc,
Băng tâm hoàn khả đối Kim lang.
Đoạn tràng mộng lý căn duyên liễu!
Bạc mệnh cầm chướng oán hận trường!
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy,
Tán thanh đáo đề vị tùy thương?

PHẠM QUÝ-THÍCH

Dịch

Song Tiền chưa chắc hẹn giai nhân,
Cái nợ yên-hoa chót nợ nần!
Sóng bạc nữ gieo người quốc sắc!
Lòng son gửi lại khách tình quân.
Mộng tàn giấc điệp, này thời kiếp!
Đàn giắt giây đồng, vẫn giận thân!
Một mảnh tài tình, muốn thừa lụy.
Thương ai gieo-giắt tả nên vần!

LÃNG-NGÂM-TU

Thu ly

Hoa trút mưa hoa, lá rụng đầy,
Chân giới sương trắng cánh hồng bay.
Ta đi, ai ở rừng xanh ấy,
Cây cỏ rầu-rầu, ngọn gió may.

Nhớ mẹ

Sương chiều buống lạnh khóm rừng tây,
Xào-xạc chim ngàn mỗi cánh bay.
Nhìn cuối thôn hoang nghi-ngút khói,
Ngảnh về non bắc đứng trông mây.

Mong ai

Mây sầu ủ mặt rừng thu,
Gió heo lạnh núi, sương mù dọi khơi.
Sóng thề trời ánh trăng rồi,
Hỡi non! đừng sưng phương giới mong ai?

Bà MỘNG SƠN

Nguyệt-Nga nhớ Vân-Tiên

Lơ-lửng trăng khuya bát-ngát buồn,
vườn xuân lạnh-lẽo ướp hơi sương,
ra vào thơ-thấp thầu canh vắng,
canh cánh bên lòng nỗi nhớ thương.

*

Chỉ gặp nhau trong một buổi đầu,
ân sâu đã tạc mối tình sâu.
Trao duyên chữa cạn lời non-nước,
mà cảnh phân-ly sớm đơm sầu!

*

Ôm khối tương-tư đợi khách tình,
chàng còn mãi rộn bước công danh;
Tang bồng bận trí người quân-tử,
riêng kẻ phòng khuê xót phận mình.

*

Tái-hiệp, than ôi! chẳng hẹn kỳ,
lòng mơ theo dõi bóng người đi;
chân trời góc bể mình-mông lăm,
biết thuở nào khuấy nổi biệt-ly!

*

Trông góc trời xa khỏi mặt-mùng,
mắt lòa ám-ảnh một hình-dung.
Đêm dài thăm-thăm bao mong nhớ!
Tiếng trống sang canh dọi nẻo-nùng...

*

Đặt án hương thơm tưởng-niệm chàng,
bút tình ghi họa tấm dung-nhan.
Cuộc đời dầu có nhiều thay đổi,
nguyện giữ tình chung với bạn vàng.

HOÀI VÂN

(Tây-Jò văn-đoạn)

Chia tay

Mỗi bước xa với... hai cách biệt!
Lạnh lùng hoa sữa, ánh trăng hôm...
Yêu, thương, ai gửi đâu làn gió?
Lối quanh mơ về đơm nhớ thơm...

(1942)

GIẢN - CHI

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 4

MINH-TUYỀN

Khuyên đệ-tử coi mình như kẻ địch
 Đề găng sức cùng thầy độ thấp cao,
 Rồi lấy báo-vật — những mong khuyến-khích —
 Tặng trò yêu tài trí dăng anh-hào.
 Hỡi báo-vật mà trời sẽ ban-thưởng
 Cho loài người tuấn mệnh mùa gươm thần,
 Xông vòng trạ của Hóa-công vô thượng,
 Là vật gì tương-xứng giá vô ngần?
 Cuộc thử sức rõ khoác hình mâu thuẫn:
 Tình trong thân-ái, việc ngoài giao-tranh.
 Và lẽ chết coi thường không ân-lận:
 Một phen chiến-đấu, hai đường tử-sinh.
 Tạo-Hóa là đối-phương bất-khả-bại,
 Mà Loài-Người địch-thủ chưa hề thua,
 Nhưng lo-lắng thay cho đời Nhân-Loại,
 Vì bại thời mất tích với ngàn thu.

VIII

Rừng-rợn quá! Trời ơi! Thệ-thảm quá!
 Nếu Loài-Người tiêu-diệt bởi tron hèn,
 Bởi kém lực đấu-tranh cùng Tạo-Hóa,
 Để địa-cầu diễn lại cảnh hoang-viên:
 Không một bóng thi-nhân ngồi mơ-mộng
 Trên mặt hồ in liễu, hừng tà-dương;
 Không một tiếng nhạc lâm-lý cảm-động
 Thường chuyển lòng chiến-sĩ lúc đêm sương;
 Không mỹ-nữ yêu-kiều tha-thuốt dạo
 Ngoài hiên lầu phơ sắc cánh hoa tươi;
 Không mặc-khách ngao-du miền phương-thảo,
 Chèo con thuyền dừng-dừng với giăng chơi;
 Thành quách đổ, hoang-vu cung miếu điện;
 Phố phường xưa, quanh-quê cỏ rêu phong;
 Làng-mạc hoá âm-u rừng vĩnh-yên;
 Tháp chùa nghiêng, lặng-lẽ tiếng chuông đồng.
 Trái-Đất hỡi! Loài-Người đã tiêu-diệt!
 Đâu phồn-hoa, dỏ-hội, cảnh thông-thương?
 Đâu xưởng máy, vườn-công, nơi diễn-thuyết?

Đâu võ-dài, hý-viện với ca-trường?
 Đâu hơi ấm-áp, thiêng-liêng, thần-thánh,
 Phong mẹ hiền, con thảo, cháu ngày thơ,
 Quanh đầu toả hào-quang vàng lóng lánh,
 Chạy nô đùa bên tóc bạc phơ-phơ?
 Đâu hơi ấm áp, thiêng-liêng thần-thánh,
 Quay thầy trò mê-mải thú văn-chương,
 Thủ xuy-ly, phê-bình, tìm vận-mệnh
 Của Nhân-Loại muôn năm chốn giảng-dường?
 Hỡi khối hận kết-tình thành sông núi
 Đề ngày sô, tháng đầy chẳng mòn hao!
 Hỡi nắm mộ thiên-nhiên của Nhân-Loại
 Trong vô-cùng vũ-trụ điểm hoa sao!
 Nào công-nghệ dựng xây bao thế-hệ
 Đi từ thời thú-lập tới công thương,
 Nào xả-thí lao-tâm bao thượng-sĩ
 Muốn dương-gian cải-tạo hoà thiên-dường,
 Nào danh tiếng vang-lừng bao hào-kiệt
 Từng nâng cao, đảo lộn móng văn-minh,
 Nào nghệ-thuật, tư-trào, với học-thuyết
 Của thế-nhân khi loạn lúc thăng-bình,
 Không còn một mây may di-tích lại
 Nơi cát vàng, suối bạc, liễu hồ siêu.
 Nơi tuyết trắng, băng trong, hồng tảo giới,
 Nơi đồng xanh, non biếc, sóng cồn reo.
 Quá-khứ đã thành trong-lai, hiện-tại!
 Ti ôi thế là sông! Cỗ cũng bằng không!
 Ghê-gớm thay nguyên-nhân cuộc thất-bại
 Đã lôi kéo Loài-Người tới diệt-vong!
 Hỡi Trái-Đất, mẫu-thân của Nhân-Loại!
 Đã bao phen máu-vú chảy giòng giòng
 Bồi-dàn trẻ sữa măng, cùn thơ đại,
 Múa song chày tranh lá, vật chơi chung?

(Còn nữa)

M. T.

X. — Bang-giao chí

(Quyển ILVI-ILIX)

Mở đầu loại-chí này, tác-giả Phan-Huy-Chú có viết: «... Nước Việt ta rộng có đất Nam, thông-hiệp với Trung-hoa. Người mình làm vua, dựng nước tuy có quy-mô riêng, nhưng trong thì xưng đế, ngoài thì xưng thần, vẫn chịu phong hiệ. Xét theo lý-do và tình-thế, thật có chỗ phải nên như vậy. Cho nên, về lễ nghi sách-phong và cống-xính, các triều-dại vẫn coi bang-giao là việc quan-trọng. Tự-trung thể-chế cũng tùy nghi: có thứ khinh, có thứ trọng, có cái phần phức, có cái đơn-giản, đời trước đời sau hoặc có khác nhau, ta không nên không biết... »

Rồi tác-giả chia / làm bốn phần:

1.) *Điền-lễ sách phong* (quyển 46).

Kể từ việc năm Thái-bình thứ ba (972), vua Đinh Tiên-hoàng sai Nam-Việt vương Liễn sang nhà Tống, rồi qua năm sau (Thái-bình thứ tư, 973), nhà Tống sai sứ sang sách phong vua Đinh làm Giao-chỉ quận-vương. Lần-lượt chép đến việc cuối Lê: Tôn-Sĩ-Nghị phụng mạng vua Thanh sang sách phong vua Lê Chiêu-thống làm An-nam quốc vương và ban cho ấn quốc-vương bằng vàng (Chiêu-thống năm thứ hai, 1788).

Trong phần *Điền-lễ sách phong* này thường có chép cả những bức công văn về bang-giao như bức thư làm lời Vê-vương Toàn gửi sang Tống đề cầu nối ngai (Thiên-phúc năm thứ nhất, 980), và tờ biểu đòi vua Lê-Thái-Tổ tạ nhà Minh

thừa nhận ngai đứng quyền thư An-nam quốc sự (tháng 10, năm Thuận-thiên thứ tư, 1431), v. v. Lại có chép cả những lời *chế*, lời *sách* của Tàu giao thiệp với ta nữa.

Dưới phần này có phụ thêm mục *Sách phong nghi chú* (nghị-tiết về lễ sách-phong).

2.) *Lễ cống-xính* (quyển 47).

Bắt đầu từ việc đời vua Đinh Tiên-hoàng, năm Thái-bình thứ bảy (976), vua Đinh sai Trần Nguyên-Thái sang sứ bên Tống. Rồi đến việc hồi cuối Lê Trung-hưng sai sứ sang Thanh tuế cống.

Trong phần *Lễ cống-xính* này cũng thường chép cả những bài biểu văn mỗi khi tuế cống, như bài biểu sang Minh năm Thuận-thiên thứ sáu (1433), bài biểu sang Minh năm Hồng-thuận thứ năm (1513), v. v.

Dưới phần này có phụ thêm mục *Tu cống sự lệ* để giúp cho tiện bề khảo-cứu.

3.) *Nghĩ-lễ khoản-tiếp* (quyển 48).

Kể từ việc ở đời vua Lê Đại-Hành năm Thiên-phúc thứ tám (987), ta tiếp-dãi sứ nhà Tống là Lý Giác. Khi Giác từ-giã về Tàu, Khuông-Việt thái-sư có làm bài *khúc* đề tiễn. Rồi tác-giả *Lịch triều hiến chương* chép rằng: «Xét: đời Lê trước, trong khi thù-tiếp sứ Tống, tỏ ra tình và văn rất là chu-chí. Cái đẹp-đẽ của từ-khúc đủ, phổ được nhân-tài, làm cho quốc-thể được thêm tôn-trọng và khiến cho người Tàu phải khâm phục. Về sau, mỗi lần sứ Tàu đi về, ta lại có thơ tiễn để tỏ rạng nhân-vật và văn chương, thực bắt đầu từ đó vậy ».

Nội ung bộ

« LỊCH TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG » (1)

Số 4

HOA-BẮNG

Trong phần *Nghĩ-lễ khoản-tiếp*, tác-giả cũng có dẫn những thơ thù-tặng của sứ Tàu và của người mình (như thơ của Lý Giác, sứ Tống, cùng sứ Thuận và Khuông Việt), những bức thư của sứ Tàu trách-móc về lễ khoản-tiếp (như thư của Hàn-lâm học sĩ Tiền-Đào nhà Minh, năm Lê Thánh-Tông Quang-thuận thứ ba, 1462) và mấy bức thư của nước ta đáp lại Tiền-Đào, sứ Minh, về việc bắt-bể những việc khoản-tiếp. Lại chép cả những thơ của sứ Tàu và người mình xưng họa, như năm Hồng-thuận thứ năm (1513), vua Lê Tương-dực đưa thơ tiễn sứ Minh là Trám Nhữc-Thủy và Phan Hy-Tăng, rồi Nhữc-Thủy và Hy-Tăng lại họa văn đáp lại.

Rồi dưới đó phụ chép cả những thể-lệ thiết yến sứ thần, các thập-vật và sự cúng-dồn ở các trạm luôn với nghi-trương đón rước sứ-giã.

Phần này có chép lầm chuyện thù-tiếp sứ Tàu rất thú, tỏ ra ông cha chúng ta ngày xưa rất có tài về mặt ngoại-giao. Cớ lẽ:

Năm Hưng-thống thứ hai (990) đời vua Lê Đại-Hành (980-1005), nhà vua rất ngạo-nghe trong khi tiếp sứ-giã nhà Tống là Tống Hạo (ta thường đọc là Cảo): Khi đi đến cửa Minh-dức, nhà vua cầm chế-thư của nhà Tống đặt trên điện, nhưng không lay, nói thác rằng, trong năm gần đây, đi đánh giặc mán, ngã ngựa, đau chân.

Năm Khai-thải thứ nhất (1324) sứ Nguyên là Mã-Hợp-Mưu sang

ta, đi đến cầu trên ao Tây-thấu, không chịu xuống ngựa. Những người biết tiếng tàu vàng mệnh vua ra bảo Mưu, song từ giờ thìn (từ 7 đến 9 giờ sáng) đến Ngọ (từ 11 giờ sáng đến 1 giờ chiều) không tranh biện xong. Rồi vua Trần sai ngự-sử Nguyễn Trung-Ngạn ra, lấy nghĩa-lý mà bẻ, thì Mưu đuối lý, lời cũng, đành phải xuống ngựa, bưng tờ chiếu mà đi bộ.

4.) *Việc biên-cương* (quyển 49).

Việc chép trước nhất ở phần này là việc đời vua Lê Đại-Hành năm Thiên-phúc thứ nhất (980), nhà Tống gây chuyện, hạ chiếu xuất quân xâm lược, sai Lưu-Đa-Tổn đem thư hăm-dọa nước ta. Vua Lê Đại-Hành bèn đánh cho một trận nên thần: bắt sống và chém chết Hầu-Nhân Bảo, còn Trần Khâm-Tộ thì chạy về, quân Tống phải một phen đại bại.

Việc chép ở sau cùng là việc năm Bảo-thái thứ 9 (1728) đời Lê Giu Tông (1705-1728), nhà Thanh trả lại xương đồng Tu-lơ ở Hoắc-châu; triều-dinh nhà Lê sai Binh-bộ thị-lang là Nguyễn Huy Nhuận và tế-tử là Nguyễn công-Thái đi họp với người ủy-sai của nhà Thanh ở Tuyên-quang, nhận đất lập mốc: lấy sông Đồ-chú làm giới-hạn.

Phần chép về *Việc biên-cương* này, theo thiên kiến, là một phần rất quan trọng về ngoại-giao, mặc dầu tác-giả Phan Huy-Chú đã đặt nó ở cuối sách. Vì nước ta giáp-gianh với nước Tàu, rất hay có chuyện rắc-rối về đất-đai. Một khi trang-trải khuôn-xếp không xong, hai nước tất đến nói chuyện với nhau bằng võ-lực. Nước ta vốn bé nhỏ hơn Trung-hoa, thế mà tỏ-tiền ta

xưa hoặc uốn ba tấc lưỡi, hoặc huơ-ba thước gươm để tranh giữ lấy từng tấc đất, đủ biết công-việc trọng-dại là đường nào!

Bộ *Lịch triều hiến chương* đến đây là hết. Các bạn coi những bài tôi đã giới-thiệu từ trước đến giờ chắc đã thấy được đại-khai nội-dung sách ấy.

Trước kia, báo Nam-phong đã định lục đăng hết cả bộ *Lịch triều hiến chương* này ở phần chữ hán, hằng tháng ra một kỳ, nhưng báo ấy mới đăng được quá nửa sách (N. P. số 96 — 176), nghĩa là từ *Địa-dư chí* đến *Quốc-dụng chí* (T. T. H. C. quyển I — XXXII) thì ngừng lại. Rồi báo ấy viết mấy lời «khải sự» bằng chữ hán, tuyên-bố cùng độc-giả, tôi xin dịch ra đây:

«Bản chí in *Lịch triều hiến chương* loại chí từ quyển I — XXXII, tình gộp cả lại, đã được đến quá nửa bộ sách rồi. Nay hãy tạm dừng lại để tiện lục đăng những thiên giai-tác thì vẫn cớ kìm đề «thết» độc-giả. Vậy có lời kính khải này, mong các bậc quân-tử trong nước lượng tình cho.» (N. P. số 176, Septembre 1932).

Mong rằng những cơ-quan văn-hóa ở xứ ta nay nên đứng lên làm trọn nốt công-việc này: vừa in cả nguyên-văn chữ hán, vừa dịch nghĩa cả toàn tập ra quốc văn để phổ-thông; một bộ sách rất có giá-trị về văn học và sử học ấy.

(Hết)

HOA-BẮNG

1) Đọc *Tri-Tân* những số 55, 69, 95, 96, 103.

Chiêu ng

Tiếng vượn rừng thì rí dậm mừng,
Nửa trời sơn-mộ, nưong!
Mây về non thăm bàu bạc;
Buồm rười sóng xa về vàng...
Lửa bên khêu mờ hải-cổ;
Gió khe tàu vọt kìa-dương.
Khôn say rượu dờn yên ngựa!
Man mác sầu lên phố phường...

(1939)

GIẢN - CHI

HUYỆN THỌ-XƯƠNG VỚI THÀNH PHỐ HÀ-NỘI

(Có kèm bản-đồ đề tiện kể-cứu)

của Biệt-lam TRẦN HUY BÁ

« Gió đưa cành trúc la đà,
« Tiếng chuông Trấn-quốc, (1)
cành gà Thọ-xương. »

Câu đó thật đã tả được cái cảnh âm-u, tịch-mịch của đất văn-vật ngàn năm về hồi trước. Đọc lên, ta có cảm-tưởng như thấy một cảnh-tượng âm-đạm, mông-lung, khiến ta lại tránh nhớ đến hồi dĩ-vãng của một huyện-thành ở gần kinh-đô Hà nội.

Sáu mươi năm trở về trước, Thọ-xương là một huyện lỵ sở-tại của thành Hà-nội, phố phường làng mạc, cư-tụ sầm uất. Những bậc văn-nhân, sĩ-tử khắp các nơi thường tụ-tập ở đó, để học tập mà đoạt giáp tranh khôi. Những phá, công-ng nghệ, thương-mại khắp Bắc-thành kéo đến để kinh-doanh, buôn bán, mà thì tài trợc lợi. Tứ-chánh quân-tư, đủ các hạng người trong xã-hội, quả là phức-tạp; nên sự trị-an cũng có nhiều điều phiền-toái. Vì cớ đó, nếu ông quan nào được cái điểm phúc bồ về trị huyện Thọ-xương; thì bước hoạn đồ như điều gặp gió!...

Ôi, cái đời oanh liệt, cái cảnh ồn ào của huyện Thọ-xương nay đã trôi theo lịch sử, bởi sự mở-mang cần thiết, nên nó đã bị biến cải từ lâu! nào đã mấy ai nhớ tới!

Nay nhân dịp thành phố Hà-nội mở rộng thêm ra, tưởng cũng nên nhắc qua về lịch sử, địa dư, cùng nhân-vật của huyện Thọ-xương

ngày trước để hiểu các bạn đọc Tri-Tân tiện bề khảo-cứu.

Huyện Thọ-xương về đời Hán thuộc (111 tr. T. L. — 39 s. T. L.) gọi là Long-biên; Khoảng năm Hiếu-Kiến (454-456) nhà Tống gọi là Tống-bình, rồi lại đổi là Tống-bình-đô; hồi Minh thuộc (1414-1428) gọi là Đông-quan; đời Quang-thuận (1460-1469) nhà Lê gọi là Vĩnh-xương. Mãi đến đời Mạc Quảng-hoà (1541-1546) mới gọi là Thọ-xương.

Kịp đến bản-triều khoảng Gia-long (1802-1819) sơ niên vẫn thuộc phủ Hoài đức (đời Lê Quang thuận gọi phủ này là Phụng thiên) kiêm lý; năm Minh mạng thứ 12 (1831) mới đặt chức tri-huyện; tới năm Tự-đức thứ 5 (1852) lại được kiêm lý cả huyện Vĩnh thuận.

Huyện lỵ Thọ-xương, thuộc tổng hạt phủ Hoài đức, ở về phía đông nam thành Hà-nội, thuộc địa phận thôn Tiên thị, tổng Thuận mỹ (1). Huyện lỵ không xây thành bằng gạch, chỉ giồng tre làm rào, vuông rộng độ 80 trượng; mở có một cửa. Khu vực huyện Thọ-xương rộng được 1904 mẫu, định số được độ 2775 suất; phía đông nam giáp huyện Thanh-trì, phía tây giáp huyện Từ-liệt, phía bắc giáp sông Nhị hà, đời nguyễn, huyện Gia lâm tỉnh Bắc ninh. Từ đông tới tây dài được độ ba dặm, từ nam tới bắc dài được độ hai dặm. Có tất cả tám tổng, một trấn mười sáu xã,

thôn, phường, trại, như sau này:

1) Tổng Thuận - mỹ, 12 thôn, phường, trại:

(Vào khoảng bắc từ phố Hàng-Bạc, nam đến phố Hàng-Khay, đông từ phố Henri Rivière, tây đến phố Đường Thành bây giờ)

Thuận-mỹ, Hữu-đông-môn, Tiên-thị, Nhân-nội, Khánh-thụy-tả, Xuân-yên, Cồ-vũ-yên-nội, Đại-lợi, Tô-tịch, Kim-cồ, Yên-thái, Phúc-tô, Báo-khánh, Chân-cầm, Đông-hà, Đông-lạc, Báo-thiên tự-tháp, Hội-vũ, Đông-thành-thị, Yên-nội, Đông-thành, Cồ-vũ-thượng, Tân-lập tân-khai.

2) Tổng Đồng-xuân, 14 thôn, phường, trại:

(Vào khoảng bắc từ Hàng-Bún, nam đến Phố-Mới, đông từ Nhị-hà, tây đến phố Cửa-Đông bây giờ).

Đồng-xuân, Phương-trung, Tiên-trung, Nghĩa-lập, Cồ-lương, Huyền-thiên, Hà-thanh, Vĩnh-trù, Phủ-từ, Vĩnh-hạnh, Đông-hà hương-bái, Yên-phú, Đông-thuận, Đức-môn,

3) Tổng Đông-thọ, 13 thôn, Phường, trại: (Vào khoảng bắc từ Phố-Mới, nam đến Hàng-Bạc, đông từ Phố Mã-mây, tây đến Phố Cửa-Đông bây giờ).

Đón coi

Tác phẩm viết công phu abát
của NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

Hơn 500 trang! In đẹp

Bản thường 5\$00

Gấy quý: 20\$00.

Nhà xuất bản

Anh Hoa

69-Rue du Charbon-Hanoi

Thư và tiền đề tên

ô. Mai-văn-Phúc

Dũng-thọ, Hương - đình, Ngư-võng, Đông - yên, Nam - phổ, Hà-khâu, Duyên - hưng, Đông - tác, Nhiễm - thượng, Trung - yên, Gia-ngư, Ưu-nghĩa, Cựu-lâu, Thanh-là.

4) Tổng Phú-lâm, 18 thôn, phường, trại : (Vào khoảng bắc từ Phố-Môi, nam đến nhà Hát-tây, đông từ sông Nhị - hà, tây đến Phố Henri - Rivière).

Phúc-lâm, Trừng-thanh-thượng, Trừng-thanh-trung, Trừng-thanh-hạ, Kiểm-hồ, Nguyễn-khiết-thượng, Nguyễn-khiết-hạ, Trừng - thanh-trung, Ngũ - hầu, Mỹ - lộc, Tây-long hữu-thị, Vòng - hà, Hương-nghĩa, Hữu - tân, Nghĩa - dũng, Trang - lâu, Thanh - yên, Trừng-thanh, Cơ-xá, Bảo-linh.

5) Tổng Yên - hòa, 11 thôn, phường, trại : (Vào - khoảng bắc từ đền Giám, nam đến đền Kim-liên, đông từ đường Lò-dúc, tây đến đường Hàng Bột).

Yên-hòa, Xá-dàn, Trung-phụng, Thồ-quan, Hữu-biên-giám, Thanh-miến, Văn - hương, Minh - giám, Hữu-giám, Văn-tâm Lương-sử.

6) Tổng Vĩnh-xương, 15 thôn, phường, trại : (Vào khoảng bắc từ đường Tráng - thi, nam đến hồ Thuyền-công, đông từ đường Hàng Kèn, tây đến đường Hàng Lọng).

Vĩnh-xương, Yên-trung-thượng, Yên-trung-hạ, Linh-công, Linh-động, Cồ-vũ-bắc thượng-hạ, Yên-tập, Bích-lưu, Đông-mỹ, Mỹ-đức, Liên-đường, Nam-ngư, Thuyền-công, Tiên-mỹ, Phụ-khánh.

7) Tổng Kim - liên, 15 thôn, phường, trại : (Vào khoảng bắc từ đường Tráng - tiên, nam đến làng Quỳnh-lôi, đông từ Phố Lò-dúc, tây đến đường Hàng-Lọng).

Kim-liên, Bạch-mai, Quỳnh-lôi, Đông-tác, Trung-tự, Phúc-cồ, Phúc-lâm, Phúc-lâm-tiểu, Hòa-mã, Vũ-thạch, Hồi-mỹ, Văn-hồ, Yên-nhất, Thịnh-yên, Đông-tân, Giáo-phường.

8) Tổng Thanh - nhân, 8 thôn, phường, trại : (Vào khoảng bắc từ nhà Hát - tây, nam đến làng Lương-yên, đông từ sông Nhị-hà, tây đến phố Lò-dúc :)

Thanh-nhân, Lương-yên, Lạc-trung, Lãng - yên, Hàm - Khánh, Vọng-dức, Hương - viên, Cẩm-hội.

Huyện Vĩnh-thuận có 5 tổng 40 thôn, phường, trại : (Đất rộng độ 3145 mẫu, đinh số độ 1356 suất).

1) Tổng Yên thành, 12 thôn, phường, trại : Yên-thành, Yên-trạch, Yên-định, Yên-thuận, Yên-ninh, Lạc-chính Thanh-bảo, Khán-xuân, Châu-yên, Yên-viên, Yên-quang.

2) Tổng Thượng, 7 thôn, phường, trại : Gia-cảnh, Thạch khối, Yên-phụ, Tây-lồ, Quảng-bá, Nhật-chiều, Nghi-tâm.

3) Tổng Trung, 6 thôn, phường, trại : Thụy-chương, Hồ-khâu, Yên-thái, Bái-ân, Vọng-thị.

4) Tổng Nội, 9 thôn, phường, trại : Liễu-giai, Giảng-vũ, Vĩnh-phúc, Đại-yên, Ngọc-hà, Thủ-lệ, Cống-vị, Vạn-bảo, Hữu-tiếp.

5) Tổng Hạ, 6 thôn, phường, trại : Nam-đông, Khương-thượng, Nhược-cống, Thịnh-công, Yên-lãng, Thịnh-hào.

Sau khi nước Pháp đặt cuộc Bảo hộ xứ Bắc-kỳ, ngày mồng một, tháng chín, năm 1888, quan Kinh-lược-sứ Nguyễn-hữu-Độc phụng duyệt bản-đồ sáp-nhập gần hết huyện Thọ-xương vào làm thành phố Hà nội (1), còn lại mấy thôn, phường, trại cùng mấy tổng thuộc huyện Vĩnh-thuận thì hợp lại mà lập ra huyện Hoàn-long.

Đến ngày mười một, tháng bảy, năm 1912, đức Bảo-đại lại hạ dụ sáp-nhập cả huyện Hoàn-long, và ba tổng là : Thanh-tri, Thịnh-liệt, Khương-định thuộc huyện Thanh-tri cùng bốn tổng là : Phú-gia, Xuân-lão, Dịch-vọng, Cồ-nhuế của Phủ Hoài-dức vào khu-vực thành-phố Hà-nội. Thế là thành-phố Hà-nội ngày nay rộng được độ 12 nghìn mẫu tây, dân-số tăng lên 50 vạn người, thực là một thành-phố rộng nhất xứ Đông-dương. Nó đã xứng-đáng cái tên là Thủ-phủ của Liên-bang Ấn-độ Chi-na ngày nay vậy.

Giá báo

Mỗi số	0\$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công số giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Đã có bản

TRÔNG GIỒNG
SÔNG VỊ

(Văn-chương và thảo thơ
Trần tế Xương)

Một kiệt tác của

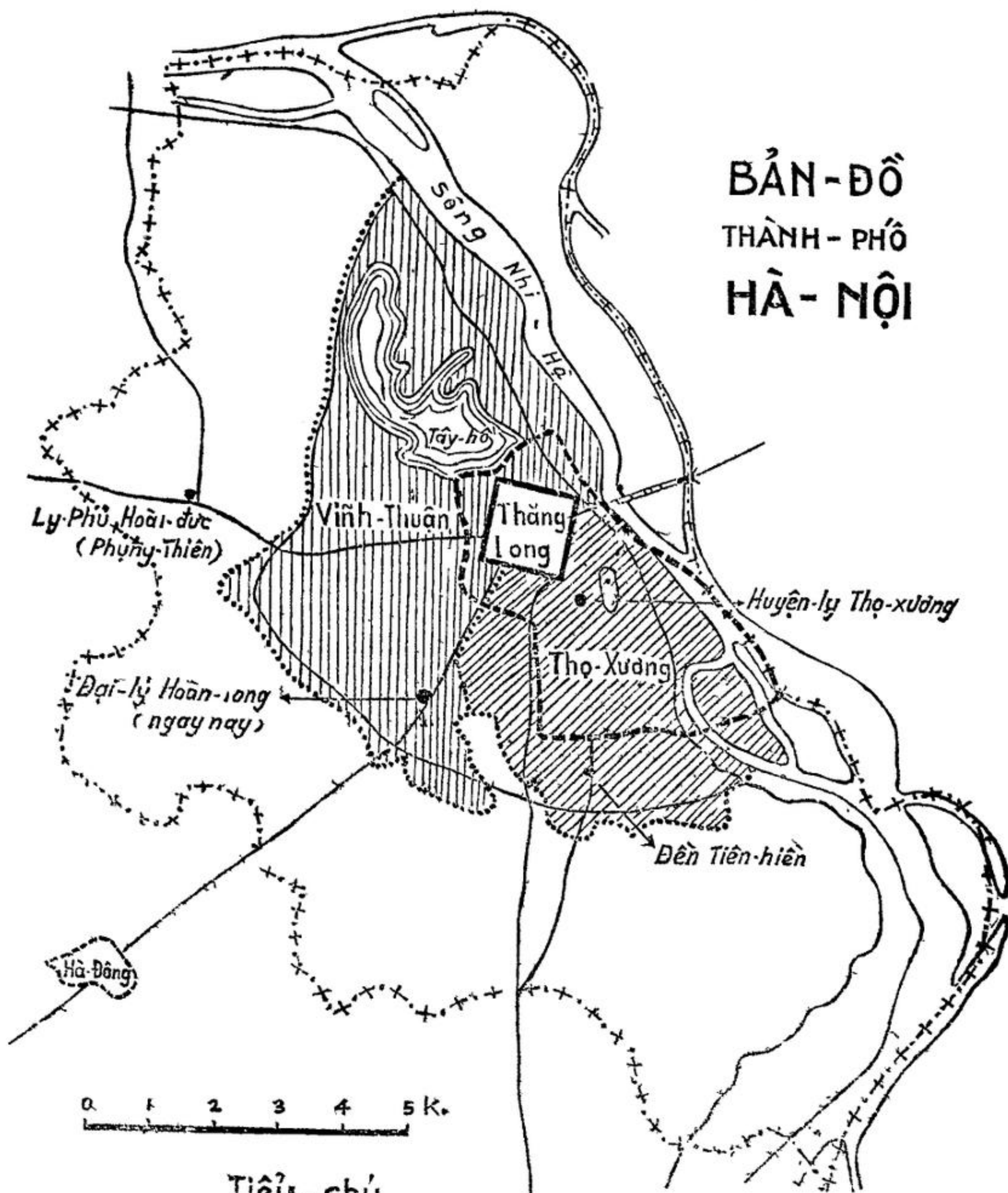
TRẦN THANH MAI

Kỳ tài bản này tác-giả đã
đầy công sửa chữa.

Sách ngót 200 trang. Giá 1\$90

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, LAMBLÔT - Hà-nội



Tiêu-chú



Giới-hạn Hà-nội do Quan Kinh-lược Nguyễn-hữu-Độ phụng duyệt ngày 1-9-1888.

Giới-hạn Hà-nội do Dự Đốc Bảo Đại chuẩn ngày 11 Juillet 1942

Khu-vực huyện Thọ-xương về đời Đồng-Khánh

» » » Vĩnh-Thuận » » » »

Nay xin lược kê tên các tổng, xã đã sáp nhập như sau:

Huyện Hoàn-long, 9 tổng 63 xã, thôn:

1) Tổng Phúc-lâm, 7 xã thôn: Tam-xá, Từ-châu, Tam-lạc, Nội-hâu Ngoại-châu, Vạn-ngọc, Ngọc-viên, Phúc-xá.

2) Tổng Thượng, 6 xã, thôn: Nhật-tân, Quán-la, Quảng-bá, Tây-lô, Nghi-tâm, Yên-phục.

3) Tổng Trung, 7 xã, thôn: Quán-tảo, Trích-sài, Vọng-thị, Yên-phái, Đặng-xá, Hồ-khâu, Thủy-khuê.

4) Tổng Nội, 12 xã, thôn: Linh-phúc, Vạn-phước, Cống-vị, Kim-hải, Liễu-giai, Đại-an, Ngọc-hà, Hữu-tiếp, Xuân-biêu, Thủ-lộ, Ngọc-hành, Giảng-vũ.

5) Tổng An-hạ 11 xã, thôn: Yên-hòa, Yên-lãng thượng, trung hạ, Nhược-cống, Thái-hà, An-trạch, Bình-bào, Nam-đồng, Thịnh-quang, Khương-thượng.

6) Tổng Vĩnh-an, 6 xã, thôn: Tân-chương, Linh-quang, Thổ-quan, Mỹ-dức, Trung-phụng, Xã-dân.

7) Tổng Kim-liên, 4 xã, thôn: Trung-tự, Kim-liên Bạch-mai, Uyển-lôi.

8) Tổng Hoàng-mai 5 xã, thôn: Hương-trung, Phương-liệt, Hoàng-phái, Mai-động, Vĩnh-tuy.

9) Tổng Thanh-nhân, 4 xã, thôn: Thanh-nhân, Lương-yên, Lạc-quang, Lăng-yên.

Huyện Thanh-tri, 3 tổng 26 xã, thôn:

1) Tổng Thanh-tri, 10 xã thôn: Thanh-tri, Nam-dư Nam-dư hạ, Thủy-lĩnh, Yên-duyên, Yên-lương, Dương-lễ, Yên-duyên, Sở-thượng, Khuyến-lương, Đồng-nhân-châu.

2) Tổng Thịnh-liệt, 6 xã, thôn: Giáp-nhất, Giáp-nhị, Giáp-tứ, Giáp-lục, Giáp-bát, Trưng-mai.

3) Tổng Khương-dinh, 11 xã, thôn: Đại-từ, Kim-lũ, Định-công thượng, Định-công-hạ, Khương-hạ, Hạ-dinh, Khương-dinh, Chính-kinh, Quan-nhân, Lộ-cư, Giáp-nhất.

Phủ Hoài-dức, 4 tổng 18 xã, thôn:

1) Tổng Dịch-vọng, 10 xã, thôn: Dịch-vọng-liền, Dịch-vọng-trung, Dịch-vọng-hạ, Nghĩa-dò, Đoài-môn, Mai-dịch, Yên-quyết, Mỹ-tri, Trưng-kính, Hòa-mục.

2) Tổng Phù-gia, 5 xã, thôn: Phù-xá, Phù-gia, Thượng-thủy, Nhật-tảo, Liên-ngạc.

3) Tổng Xuân-tảo, 1 xã Xuân-tảo.

4) Tổng Cồ-nhuế, 2 xã: Cồ-nhuế-hoàng, Cao-dinh.

Cộng tất cả được 107 xã, thôn thuộc vào địa hạt Hà-nội, do quan Đại-lý Hoàn-long cầm đầu, kể từ ngày mồng một, tháng giêng, năm 1943, đã thi-hàng đạo dụ kể trên, sự trị-an, việc quan, hôn, tang, tế đều theo như luật thành phố đã định.

Biệt-lam TRẦN HUY-BÁ

(1) Có người đọc: «Thiên-mỹ» có lẽ do các gđan về bên triều khi vào Huế, lâu nhờ nhà đã đổi ra mà ngán cho tiêu-khiếu.

(2) Huyền-xử sau đầu Lý quố-sư, gan nhà in Ngô-tử-Hạ p ả Lambot bị y giới. Mười năm về trước, vẫn có tấm bia đá ở đây, gõ-huyệt: khi ông Ngô-tử-Hạ làm nhà in, lúc ph ả tương, lấy tấm-bia ấy đưa ra nhà Bảo-tàng Louis-Finot Hẹn giờ tám ba ấy dự ở trước của nhà Bảo-tàng.

3) Mang tên Thọ-xương từ năm 1541 đến năm 1888, kể là 347 năm thì sáp nhập thành phố

GIỚI THIỆU

1) *Trần thủ Độ* của *Trúc Khê* (Giá 0\$80)

Đó là một cuốn danh nhân truyện ký do nhà Tân Dân vừa cho xuất bản trong Phổ-thông bán nguyệt san.

Tác giả, sau khi nêu những nguyên nhân bại vong của triều Lý vào khoảng đầu thế kỷ thứ 12, liền lần lượt trình bày những trường hợp đặc biệt đã đưa Trần thủ Độ và dòng dõi nhà Trần tới chỗ ngôi báu.

Những mưu cơ xảo quyết của Trần thủ Độ để tiến quyền chính đều bị tác giả trình bày một cách rành mạch.

Bằng một ngòi bút vô tư, trong mục « *Tội hay công* » tác giả đã vạch rõ sự nghiệp người xưa với những lý luận sáng sủa và gọn ghẽ.

Đọc cuốn đó chúng ta thấy rằng Trần thủ Độ, vị « thủ tướng độc tài » của nước ta, tuy đã phạm những điều thường luận bại lý, nhưng cũng đã giúp ích rất nhiều cho đất nước và trước công luận nghìn thu không hổ thẹn với tiếng danh nhân đất Việt.

Những sách như cuốn « *Trần thủ Độ* » đáng được mọi người đem đọc để suy nghĩ về những bài học lịch sử.

Chúng tôi xin vui lòng giới thiệu cuốn *Trần thủ Độ* với các bạn đọc và mong rằng tác giả sẽ thành công trong nhiều truyện ký khác nữa.

MANH PHAN

2) *Nguồn gốc văn minh của Nguyễn bách Khoa* (Giá 2\$20)

Tạp chí Văn mới số 15 và 16 ra ngày 25 juillet 1943 vừa cho đăng trọn vẹn khảo cứu dài ấy của ông khoa.

Triển ấy có hai phần: phần thứ nhất nói về: *Khái niệm văn minh* phần thứ hai về: *Bản thể văn minh*.

Tác giả viết công phu, xin giới thiệu cùng các bạn đọc.

M. P.

Muốn làm giàu mua vé số

Ông Pháp

1 vé 0 một vé

Du ký

INDRAPURA (Đông-Dương)

Số 2

Mãn-Khánh DUONG-KY

Tặng bạn Võ-Mai

Chúng tôi cũng đứng dậy đi theo anh chàng mộ-đạo Chiêm tượng-tượng ấy.

Tu-đạo viện ? với những phòng rộng-rãi, đầy tảng và ni ngày đêm nghiên cứu đạo-lý uyên-thâm, và chép những bài kinh, trên da, trên lá ?

Nào đâu thấy ? nay chỉ là một đám cây cỏ hoang-vu nhưng yếu-điệu, mà ngọn gió thổi qua đánh tạt về một bên, dễ lòi ra những mảnh gạch đỏ, nát. Thừa thốt, vài cây « cốc » to lớn vươn mình trong ánh nắng tung-bùng. Thỉnh-thoảng đôi con chim bay đi tìm bóng im, gieo giữa khoảng không, từng hơi thê-thảm.

Đi hết con đường gạch, kẻ mộ-đạo vừa đến một cái cửa cũng có hai ông Hộ-pháp canh giữ : một ông đứng trên con sư-tử đang trợn mắt, le luói, một ông đứng trên con makara đang uốn vòi, xù vẩy. Một cái gì huyền-bí đã thấm vào tâm-hồn kẻ mộ-đạo. Chàng cúi đầu đi một quãng thì bước bước chân vào trong một phòng ba gian rộng-rãi có rất nhiều cột. Hãy quý xuống và cúi đầu sát gạch ! Kia, trong khối trầm ngào-ngạt, tượng Phật Laksmindra Lokeshvara, to bằng bốn người thường, đang trầm tư mặc tượng trên một hệ đá đồ-sộ ; chung quanh xung-vi nhưng tượng bộ khác và tượng thấy tu hai tay bằng đá khinh-cần nâng những lư trầm đang nhả khói.

Trong phòng yên lặng, một yên-lặng huyền-bí ; kẻ mộ-đạo chỉ nghe-nhịp đập bồn-chồn, cảm-động của trái tim mình. Bỗng, một hồi từ-và rúc lên, từ bên tu-đạo viện vọng qua. Rồi văng-vẳng đưa đến một điệu kinh đều-đều, vô cùng tận. Kẻ mộ-đạo đập đầu xuống gạch đem tất cả lòng thành tụng :

« Nômôh (1) / Laksmindra Lokeshvara !... »

Tụng xong, chàng đứng dậy lùi vài bước, lách mình qua cửa bên hữu, đi vào những cái sân bốn bên có tường cao bao bọc.

Những cái tháp nhỏ-nhỏ rải-rác gần tường. Chàng kính cẩn đến cúi đầu trước các tháp ấy là nơi đề-mun của các cao-tăng nổi tiếng.

Tôi chỉ cho bạn tôi những hàng cột chạm rất công-phu tỉ-mỉ, cái thì đã gãy nát, cái thì đương bị những cây leo to-lớn trói lại hoặc làm nứt ra, hay những cây đại-thụ lẫn lộn làm chổ nghiêng gần ngã. Đó là phòng rộng-lớn có tượng Phật nói trên kia. Tượng Phật ấy, bộ đá cùng các tượng khác, đã đem về để tại nhà Tầng-cổ Parmentier ở Hà-N. Chỉ còn lại tượng hai ông Hộ-pháp nhưng đã gãy chân lìa khỏi con thú mình cỡi, mỗi ông gục đầu mỗi góc, vào khúc tường gần sắp, trong bụi cây khô.

Chính giữa đám-cột, như muốn tỏ cho khách du-lịch rõ cái bè-kém của nghề kiến-trúc Việt-nam người mình có xây lên một cái miếu tồi-tàn, nặng-nề, xiêu-veo. Nghĩ cũng hoài quá ! Những viên gạch to, cứng, đỏ, đẹp như thế khi xưa đã sắp thành từng đường song hàng tuyệt-mỹ ở góc tháp thân cột, chân tường, nay lại bị người mình gỡ ra xây một cái miếu không có tí nào là mỹ-thuật cả. Tuy vậy, họ còn chừa bảnlòng và đã lấy gạch ấy xây thêm một con đường vụng-về quanh quẹo, ý hẳn là để đến cúng tế miếu trong những lúc mưa dầm không thể đi lại dễ-dàng trên cái con đường đất đầy bùn lầy-lộ. Chúng tôi cũng không buồn để gần xem thử người mình đã viết trên mảnh giấy điều giản trong miếu tên Thần gì, vì còn mắngắm những đường cong, thuần tròn xoáy vô-cùng đẹp, và những kiểu trang-sức bằng nụ, lá, hoa chạm trên gạch, đang ẩn hiện dưới lớp cây cỏ nửa vãng nửa xanh.

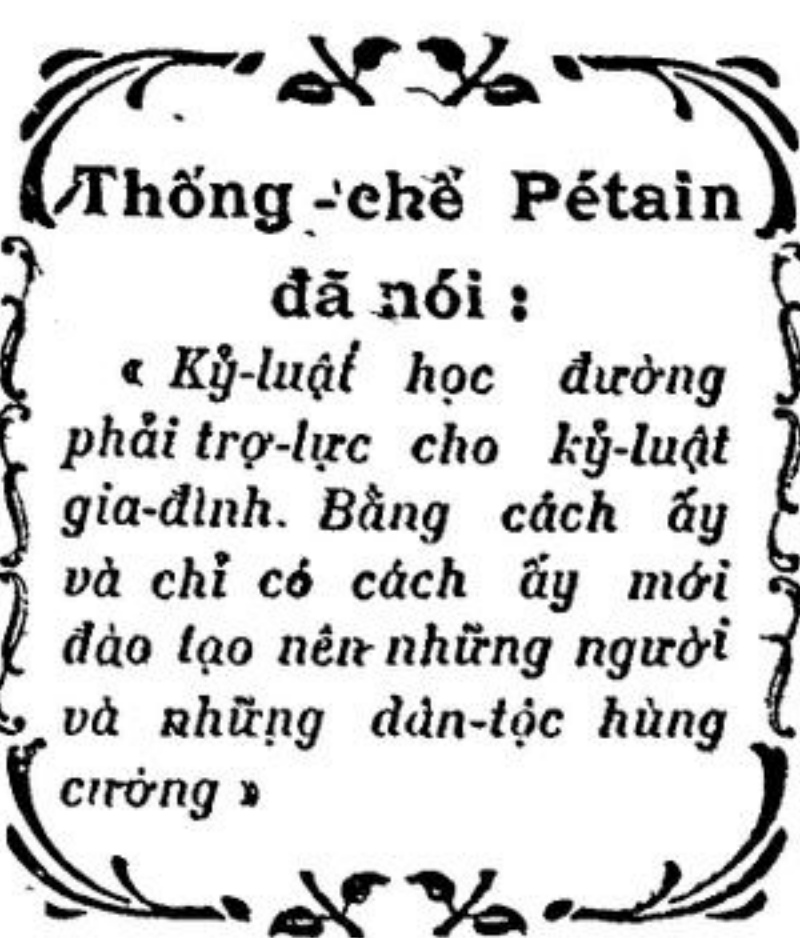
Khách mộ-đạo bây giờ đã đi ra sau phòng ba gian, và qua một cửa khác hai bên cũng có tháp trụ bằng gạch và Hộ-pháp bằng đá, một ông cỡi bò, một ông cỡi gấu, thì vừa đến tòa nhà dành riêng cho người đi lễ. Kẻ mộ-đạo đến ngồi nghỉ trong chốc-lát trên chiếu trải giữa nền, rồi đứng dậy đi giữa hai hàng trụ thì đến trước một cửa to-lớn hơn các cửa đi điqua : hai bên, hai tháp trụ đồ sộ xoắn thàng lên trên không những đường vòng mà bấy giờ mặt trời đã cao đang mạ-đỏ chói lọi. Kẻ mộ-đạo giật mình : hai ông Hộ-pháp to-lớn chống tay trên bảp-vẽ

đề bệ dưới chân hai con người ta, chứ không phải thú-vật như mấy ông các cửa kia nữa. Hai con người khốn-nạn này quần-quai trên gạch, tai chằng đeo hoa, đầu không đội mũ, bộ râu mép nhọn vát, uốn cong như hai cái nanh.

Kể mộ đạo run run bước lên mấy bậc cấp ngoài, qua khỏi cửa, trèo xuống các bậc cấp ở trong, thì đã đi vào được khoảng cuối-cùng và linh-nhất của Tinh-xá. Chàng không để ý đến các tháp đền phụ chi-chít chung-quanh, như có một tình-kiến thôi-miên cúi đầu đi thẳng.

Mấy bậc cấp đưa chàng vào trong lòng một cái tháp lớn có bốn cửa. Ánh sáng mặt trời từ ngoài lùa vào, đem theo hơi trầm ngào-ngạt. Trông qua các cửa kẻ mộ-đạo thoáng thấy không biết rơ man nào là nhà, cửa, trụ, tháp đang tẩm gạch đỏ chói trong ánh nắng tung-bùng. Nhưng chàng đã đứng-lẻ ra khỏi tháp, trèo xuống mấy bậc tam cấp. Thì kia! đồ sộ nguy-nga trước mắt chàng, cái tháp Chính xây trên một nền cao hai tầng chung quanh có bốn tháp khác đứng chầu, quý-mô nhỏ hơn và cũng xây trên nền ấy.

Kính-cần kẻ mộ-đạo chấp tay, lễ-sê đề chân trên bậc thứ nhất hình quả tim của tam cấp tháp Chính, rồi, khúm-núm trèo qua mấy bậc khác mà vào trong một phòng vuông rộng và cao. Trong phòng nền khi mờ khi tỏ, trên bệ đá cao mấy tầng chạm từng cảnh hoạt động, khám dựng Phật-tích sơn-vàng, phủ khăn thêu đang chói-oi, thôi-miên lấy kẻ mộ-đạo. Tâm chàng mê theo các bậc cấp nhỏ nhỏ đục bốn bộ mà đi lên



quây-quần chung quanh khám, Ngoài ra chàng không thấy gì nữa. Trước mặt chàng, trong trí chàng, trong lòng chàng, cái khám đang sán-lan với muôn màu-sắc của-hào-quang rực-rỡ. Chàng đã quỳ xuống khi nào, cất giọng say-sưa khấn :

« Nômôh Laksmindra Lokeçvara! »

Tôi dặt bạn tôi trèo trên bức tường còn cao nhất của tháp Chính, mà dân vùng chung-quanh gọi là tháp Tối vì, cũng như đa số các tháp chàm khác, tháp này khi xưa chỉ có một cửa hẹp để ra vào, nên tại trong lòng tháp khi nào cũng lờ mờ tối. Nay thì sập nát gần hết, chỉ còn lại mấy bậc tam cấp cao, sún nhiều chỗ, và ba bức tường lở lói lồi thoi.

Trước mặt chúng tôi là tháp Sáng, người mình gọi như thế vì trái với tháp trên kia, tháp này có bốn cửa rộng, ánh sáng ở ngoài tha hồ lùa vào.

Tại Đồng-dương, hiện nay chỉ có tháp Sáng này là đứng vững. Kỳ dư đều sập nát tan tành, gạch đá sứt mẻ lẫn lóc trong bụi rậm um tùm, bèn bức tường tan rã. Tuy vậy, chỉ trong một khoảnh này mà, ngoài hai tháp Tối Sáng

nổi trên kia người ta còn nhận được dấu tích của mười một tháp nữa: bốn cái chầu chung quanh tháp Tối, và bảy cái sắp theo dấu tích bức tường hình chữ nhật bao bọc khoảnh ấy. Nhan nhản tại những chỗ trống ở giữa hai tháp, mấy cái trụ gậy ngang lưng, phơi những thớ thịt gạch chời hơi. Tại đây cũng như trong phòng có tượng Phật, bệ đá cùng tượng thì người ta đã lấy đi từ khi nào. Trong tháp Sáng chỉ còn có tượng một thân cụt tay, lẹm đầu (Civa?), nằm gục giữa nền, giờ một cái vai sả, hình như đang đợi một vị cứu-tình không khi nào đến.

III. — Bia lời nguyện của vua Hôri

Phía sau tháp Tối, gần bức tường đồ, một cái bia còn đứng vững. Đó là một phiến đá to, nhóp giống hình quả tim. Đồng dương có nhiều bia, khắc chữ Phạn. Các nhà khảo cổ đã dịch ro chữ Phạn; đó là những tài liệu rất quý để đem đối chiếu với sử chữ Hán của ta và của Tàu cùng các bi-văn của người Khmer mà viết lịch-sử nước Chiêm-thành.

Nay tôi xin trích dịch vài đoạn trong một cái bia Đồng dương để hiến bạn đọc.

Bia thứ nhất, dựng năm 797 Caks (875).

(Kính lạy) Laksmindra Lokeçvara!

... — Chỉ có ngài Cri Cambhu bhadreçvara là xứng đáng để muôn nghìn Thần khác thờ phụng. Là bản-thể sán-lan của lửa, ngài bảo-hộ xã hội Campa, nơi mà các luật pháp tốt đều lưu hành.

(Còn nữa)

MÃN-KHÁNH DƯƠNG-KY

BIA VĂN-MIẾU

NHƯNG ÔNG NGHÊ TRIỀU LÊ

Số 58

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

5. — Lê-đức-Toản, người xã Sơn-dông, huyện Lập-thạch, phủ Tam-dại, tỉnh Sơn-tây. Năm 33 tuổi, đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 đời vua Lê Thái-tông. Làm đến đô-ngự-sử. Không chịu theo Mạc, được phong là tiết nghĩa. Là chú Lê-Khiết: chú cháu cùng triều (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-tây, tờ 56 b-57 a; *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 a).

6. — Nguyễn-thuần-Trung, người xã Đoàn-tùng huyện Trường-tân (nay Gia-lộc), phủ Hà-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 36 b).

7. — Nguyễn-sur-Trác, người xã Vĩnh-tự, huyện Hoảng-bóa, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa. Năm 25 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Phụng-thiên phủ-doãn (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Thanh-hóa, tờ 28 b; *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 a; chép làm đến chức đại-quan).

8. — Phạm-van-Ngọc, người xã Cánh-khê, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 29 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 57 a; *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 a).

9. — Nguyễn-mộng-Tùng, người xã Cẩm-sơn, huyện Cẩm-giang, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ

khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 29 a).

10. — Trần-Thực, người xã Vạn-tái, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương; nhà ở xã Nhân-lý. Năm 28 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thừa-chủ; sau không chịu làm quan với nhà Mạc, được phong tiết-nghĩa (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 57 b).

11. — Tạ-Tái, người xã Tùng-hộ (nay đổi là Lâm-hộ), huyện Kim-hoa, tỉnh Bắc-ninh. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Bắc-ninh, tờ 69 b).

12. — Lê-công-Thích, người xã Khúc-thủy, huyện Thanh-oai, trấn Sơn-nam. Năm 21 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Nguyên họ Đào, được vua cho quốc-tính là họ Lê. Làm quan đến tham-chính. Là con Đào-nam-Kiệt (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 34 b).

13. — Phạm-tri-Khiêm, người xã Yên-trang, huyện Thiên-tài (nay là Lương-tài), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 24 tuổi đỗ hội-nguyên, nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Đông-các hiệu-thủ (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị*

khảo, quyền Bắc-ninh, tờ 122 a).

14. — Lê-cảnh-Trình, người xã Lôi-xá, huyện Cẩm-giang, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-độc (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 29 a; *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 b).

15. — Nguyễn-dinh-Huống, người xã Dục-dại, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 32 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến Lại-thủ thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 57 b).

16. — Nguyễn-doãn-Tu, người xã Hoa-thiếu, huyện Đông-ngân, trấn Kinh-bắc. Năm 29 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hình-khoa đô-cấp sự-trung. Là con Khắc-Kế, là chú Doãn-thăng (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Bắc-ninh, tờ 28 b; chép ông Doãn-Tu làm quan đến đô-ngự-sử).

Khoa giáp-thìn 1484 đỗ 25 ông, đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thần.

1. — Chu-dĩnh-Bảo, người xã Quang-liệt, huyện Thanh-dâm, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Năm 33 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến thị-lang. Là tăng-tôn của Chu-văn-Ấn triều Trần (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 31 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 5 a).

2. — Lê-lan-Hình, người xã An-dô (nay là Cồ-dô), huyện Thiên-phong (Tân-phong) phủ Quảng-oai tỉnh Sơn-tây. Năm 39 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Nguyên họ Nguyễn tên Sư-Mạnh, được vua cho quốc

tiếng. Sung chức phó-sứ sang nhà Minh, tạ về việc dụ tế vua Lê Thánh-tông. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư (Đặng khoa lục, quyển 1, tờ 31 a; Đặng khoa bị khảo, quyển Sơn-tây, tờ 68 a). Về việc đi sứ Tàu bộ Khâm định Việt-sử (quyển 25, tờ 1a-2a) chép năm canh-thân 1500, mùa xuân tháng giêng, vua Lê Hiến-tông sai sứ sang nhà Minh. Trước kia vua Hiến Tông đã sai sứ sang nhà Minh cáo việc tang vua Thánh-tông (1460-1497) và xin sách phong: nhà Minh sai hành-nhân ty hành-nhân là Từ-Ngọc sang dụ tế, ty-kinh-cục tây mã kiêm Hàn-lâm-viện thị-giảng là Lương-Chữ và binh-khoa đô-cấp-sự-trung là Vương-Chấn sang sách phong. Bọn Lương-Chữ và Từ-Ngọc đến trạm Thị-kiều, vua Hiến-tông sai Đông-các đại-học-sĩ là Đàm-văn-Lễ, Đông-các-học-sĩ là Nguyễn-nhân-Thiếp và Bùi-Yên, cùng bọn Lương-Chữ nghị việc làm lễ. Bọn Lương-Chữ đến trạm Lã-Khôi, vua Hiến-tông ngự thuyên nhỏ đến tiếp. Bọn Từ-Ngọc và Lương-Chữ làm lễ dụ tế và sách phong xong cáo-từ về. Vua đưa vàng bạc lụa mủi: bọn Chữ đều không nhận, vua có làm thơ để tiễn. Đến năm 1500, vua sai Hình-bộ tả thị-lang là Nguyễn-duy-Trinh, Lễ-khoa đô-cấp-sự-trung là Lê-lan-Phình người làng Cổ-đô, huyện Tân phong, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484, nguyên họ Nguyễn tên là Sư-Mạnh, phụng mệnh vua cho họ Lê tên là Lan-Phình), thượng-bảo tự-khanh là Nguyễn-nho-Tồn sang Tàu tạ về việc dụ tế. Sai Đông-các học-sĩ là Lưu hưng-Hiếu, Hàn-lâm thị-thư là Đỗ Nhân, thông-sự ty-thừa là Bùi-đoan-Gảo sang tạ về việc sách phong và xin mũ áo. (Còn nữa)

Ứng-hoè Nguyễn-văn-Tổ

Kỳ sau:

Từ hội - nghị Diên - hồng đến Hội-dồng hương thôn

của KHUÔNG-VIỆT

Lối phục-sức của ta từ sau thời âu-hóa của HOA-BẮNG

Đại-nam dật-sự

(Thiếp theo trang 5)

nam: quân càng ngày càng mạnh. Đến tháng 11 năm canh-tý (1460) là năm Diên-hy thứ ba đời Hán Hoàn-đế, vua Hán lại phong Hạ-Phương làm thứ-sử Giao-chi. Hạ-Phương là người uy-tin đã rõ-rệt, cho nên khi mới đến quận hơn hai vạn người đem nhau đến xin hàng (chép theo Khâm định Việt-sử, quyển 2, tờ 22 a-23 a).

Mùa hạ năm tân-dậu hiệu Quang-hòa thứ tư (181) nhà Hán cho Chu-Tuấn làm Thứ-sử Giao-chi.

Chu-Tuấn, tên tự là Công-Vĩ, người Cối-kê (theo An-nam chí nguyên, quyển 2, trang 150). Nguyên năm Quang-hòa thứ nhất (178) Giao-chi, Hợp-phố và Mân-Ô-hử làm loạn. Mục-thủ là Chu-Ngung không dẹp nổi. Ngờ ròi châu Giao là Lương-Long nhân đó dấy quân, đánh phá quận huyện, có quân đến vài vạn người. Đến mùa hạ năm Quang-hòa thứ tư (181) nhà Hán sai quan lèn ở Lan-lang là Chu-Tuấn sang cứu Chu-Ngung, đi đường qua quận nào mộ gia binh quận ấy và năm nghìn quân đem đi, từ hai đường đi vào châu Giao. Khi đến nơi, bó áo giáp không tiến, sai người dò xem hư thực, tuyên dụ uy-đức để chấn-dộng, rồi cùng quân bảy quận tiến lên, giết được bọn Lương-Long, hàng được vài vạn người, tuần nhật dẹp yên hết (chép theo Khâm định Việt-sử, quyển 2, tờ 23b-24 a).

Tháng năm năm Trung-bình thứ nhất (184) đồn binh ở Giao-chi giết Chu-Ngung, sai người sang nhà Hân tặc tội. Vua nhà Hán ban chiếu kén người tài-giỏi sang làm quan. Các quan hữu-ty tiến ngự-sử là Gia-ung (tên tự là Mạnh-Kiên, người Liêu-thành, đỗ hiệu-liêm, bổ chức kinh-sư doãn, chép theo An-nam chí nguyên quyển 2, trang 150) sang làm thứ-sử. Trước kia vì những người làm thứ-sử thấy đất Giao châu có ngọc minh-chất, cánh chim trả thủy-vũ, sứ ng

lệ, ngà voi, đồi-mồi, hương lạ, gỗ tốt là những vật quý, hết thầy tham nhùng: hễ vợ-vét đủ, lại xin người sang thấy, cho nên lại-dần đều chống-cự. Đến khi Giả-Mạnh-Kiên đến bộ, hỏi rõ tình-trạng, đều nói rằng: « Các quan trước thu thuế nhiều, bắt góp nặng, trăm họ khổ-sở; vì kinh-sư đường xa, không biết kêu ai: dân không vui sống, cho nên họp nhau đề chống-cự, chứ không phải là làm phản ». Giả-Mạnh-Kiên mới sai người đi khắp hiệu-dụ, bảo nên ở đâu về đấy, chiêu-dụ kẻ lưu-vong, tha cho đóng góp. Xong hạ lệnh giết những người đầu sỏ há-ngược, kén chọn người lương-lại coi các quận huyện, trăm họ được yên. Ngã ba đường thường có câu ca rằng: « Giả phụ lai văn, sứ ngã tiên phần, kim kiến thanh bình, bất cảm phục bạn », nghĩa là cha là họ Giả đến muộn, để cho ta phải làm phản trước, nay thấy thái-bình, không dám làm phản nữa. Giả-Mạnh-Kiên ở châu ba nam, sau vua Tàu với về cho làm nghị-lang, sai người trong châu là Lý-Tiến thay làm thứ-sử (chép theo Khâm định Việt-sử, quyển 2, tờ 24 b-25 a).

(Còn-nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

VĂN-HÓA VẬT-CHẤT

(Tiếp theo trang 3)

Người Tasmanie thích vào mình thành sẹo, và khoan chỗ hia mũi để xâu miếng gỗ vào, cổ lẽ là để làm lễ thụ-pháp, cũng như con gái Tàu có lẽ gia quan, con gái Tàu có lẽ cài trâm. Người Tasmanie và người Yaghan có tục vẽ phẩm vào mặt. Chết thì chôn ở dưới đồng đất nặng hoặc thiêu đi. Người Tasmanie lại có tục đem sọ người chết hoặc một phần trong xương người chết đi đến các nơi: họ cho làm lễ thì người chết không về được nữa Họ tin là hồn người có cát-thần, ban đêm có hung thần.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠY CUNG CHUÔNG VÕ

Số 1

CHU-THIÊN

I

- Ô! đông quá, đẹp quá nhỉ!

Ba chàng trẻ tuổi vừa nói vừa tiến vội ra bờ sông. Giờ về cuối xuân trong và sáng như pha lê. Không khí mát dịu. Gió nhẹ nhàng đã thổi tan làn sương mỏng trắng như bông sương đuổi hết đến cả những mảnh còn vương lại dớt chân tre, đọng lại trên mặt nước. Không khí trong lạ thường, nên tự tit dăng xa, mãi tận trong chân làng giữa cánh đồng, trông ra ngoài bờ sông đã thấy đông nhan nhản những người là người, đứng liền chi liền chít, như một bức tường thành. Và những cờ ngũ sắc, những làn vóc đỏ thêu kim tuyến, những quạt, những gươm đao, bặt biể, vàng soi chói lọi, cứ cách từng quãng đều vượt lên trên đầu người, cùng thi nhau khoe đẹp với trời xanh. Và tự từ phía ở các làng, từng bọn, những người vẫn còn lữ lượt kéo ra bờ sông nữa cho thêm đông, thêm vui, thêm trọng thể... Ba chàng trẻ tuổi hăm hăm chạy ra đến bờ sông. Một chàng vui vẻ nhắc lại:

- Ừ! giờ! Đông quá! đẹp quá!

Những người đứng xem ở bờ sông cũng họa theo:

- Vàng, đông quá và vui quá! Tôi chưa được thấy đám rước đám hội nào vui như thế!

- Đông hơn cả hội rước đờ Hoàng đế hồi cung (1) năm nọ.

+ Đông hơn nhiều chứ! mà giá ở đây đi đường bộ không được vui bằng bây giờ, ngài ngự đường thủy.

- Đi đường thủy đẹp hơn nhiều chứ, tất cả có 2 vạn các thuyền đến phải đứng nép lại bờ sông, kéo cờ đón rước. Các làng trên cạn phải ra bài vọng. Mà các thần dân thiên-hạ

được ra đứng hai bên bờ sông chiêm ngưỡng. Đẹp hơn đã cố nhiên mà đông hơn là phải.

Ba chàng bỏ bọn ấy, lách qua hàng người đông đặc rẽ xuống mặt sông nhìn ra mặt nước. Trên dòng nước bạc lặn lặn sóng, những chiếc thuyền nan, thuyền ván, đứng nổi trôi nhau trong bến, chiếc nào cũng cắm san sát những cờ sắc sỡ, phất phơ uyển chuyển trước gió. Giờ tươi sáng, gió nhẹ-nhẹ, nước trong vắt người bằng-bột, hòa với cảnh tượng bừng náo nhiệt lúc ấy, thật là một cảnh tượng thái bình. Một người nói:

- Lâu lắm mới lại được thấy uy nghi thịnh-trị, cảnh tượng thái bình...

Một người nữa tiếp:

- Cầu Trời khấn Phật, lấy hai đức Vua về cho trăm họ được yên vui mãi như thế này.

Ba chàng trẻ tuổi lại cùng nhau đứng dậy lên đường chen-tựa vào gốc cây, và hỏi với ra những người ngoài:

- Long-thuyền sắp ngự qua đây chưa nhỉ? các ông nhỉ?

Một ông cụ đáp:

- Chừng đầu giờ tý thì qua đây. Thuyền ngự đức Vua Chương-Võ (2) đi từ tang-tảng sáng, chắc ngài gặp thuyền ngự của công-chúa ở cửa sông.

Long-thuyền đức Vua đi chắc đẹp lắm nhỉ? hoài của! chúng ta ra chậm quá, giá không đã được chiêm ngưỡng uy-nghi ngài.

Một người đứng bên nói chen vào:

- Đợi lúc về xem cũng vậy. Lúc về lại thêm có cả các thuyền các quan đưa tiễn công chúa nữa kia. Xem thuyền bên nào đẹp hơn.

- Thuyền rồng đức Vua chắc thế nào chả đẹp hơn mà. nhiều hơn nữa. Đoàn thuyền của ngài có những một thuyền rồng và mười một chiếc thuyền chiến đủ bá quan theo hầu.

Một người khác ở ngoài chêm vào:

- Mặt trời chiếu siết mang tai rồi. Đức vua sắp ngự về qua đây, đợi mà xem khắc rõ-

Ai nấy càng vui vẻ đợi, thân mật dè-dặt nói chuyện với nhau, từ chuyện này qua chuyện khác, nói nhiều, bàn nhiều, và có khi mùa chàn mùa tay, huỳnh-hoang cười cợt, như để thỏa sức cái lòng bông bột bấy lâu bị nén ép đi vì lo sợ. Thật vậy. Tất cả dân gian miền phủ Thiên đức (3) đều vui mừng hơn hở. Luôn mấy năm giới loạn-lạc, hai bên đánh nhau, nơi quê hương thân mến của họ đã trở thành bãi chiến trường, trẻ già lớn bé đều hằng nơm nớp lo sợ, ngày quên ăn, đêm mất ngủ, linh mạng hầu như treo lơ lửng trên ngọn tre cao. Cho nên thấy Triều-đình hòa thân với đức Vua của họ trị vì ở vùng Gióng, hết thấy đều vui vẻ như mở cờ trong bụng. Họ mừng lại được an cư lạc nghiệp, họ mừng lại được ngời hắt thái bình. Nhất là mối hòa thân ấy lại được thắt chặt rõ ràng bằng một cuộc hôn-nhân trọng đại: đức Chương-Võ hoàng đế đã bằng lòng hạ mình làm rể họ Trần mà lấy Ngọa-Thiểm công chúa em gái vua Thái-Tổng nhà Trần, do Thái sư Trần Thủ-Độ đứng trung-gian làm mối, và chính là bấy ra kể hòa-thân. Tin ấy ban ra, khắp mặt thần dân đều nức lòng, cùng nhau nô nức sắm sửa nghênh-ngợi, và đem đủ nghi lễ để dự vào cái đám cưới đế vương

long trọng ấy, cái đám cưới sẽ mở đầu cho một cuộc thái bình sắp tới. Mấy năm loạn lạc đời khổ đã đầy ải sinh-linh vào vòng lửa than cùng cực lượng dân, rất sợ hãi những tai vạ lây giời, nên thoảng thấy dấu hiệu một điềm lành : đưa đến trăm họ yên vui, là họ vội vàng vồ vập hoan-hô ngay lấy, không cần suy nghĩ xem nó có thể bền bỉ được lâu, hay là chỉ thoảng qua như chớp nhoáng. Nội đau khổ đã đun-dầu họ, khiến gọi họ, thúc giục họ, ra lưng bưng hoan-hô các đấng trị vì đã dẹp nổi bất bình mà hòa thân với nhau. Họ đem lòng vãi sương bông bột ra thì nhau dựa vui để ca tụng các bậc bề trên, mong mỗi ơn trên thương đến phận dân hèn bèo bọt mà bớt sự tranh giành tức khi cho, dần dần được tạm hưởng yên vui. Cho nên ai nấy, hôm nay ra đứng bờ sông, và các làng đem đồ nghi-vệ ra bãi vọng, là đều một lòng mong mỏi : dự xem cái oai phong lẫm liệt của bậc đế vương, và đồng thời cầu khẩn cho khắp dân thiên hạ thái bình lâu-cả ! Cho nên ai nấy đều vui vẻ đợi.

Họ nóng-lòng đợi ..

Thì chợt, từ phía tây ngược giòng sông Thiên-đức (1), những tiếng ồn ào Jung-hô vang dậy như vỡ chợ. Vội vàng lại rồi môn-một, chuyền mãi đi xa. Lập tức mọi người đều đứng im lặng thẩn-thật, quay dồn cả mắt về phía tây. Một sự im lặng thiêng-liêng, trái ngược với làn sóng hoan-hô đang cuộn cuộn tràn lại nhanh như bão táp. Mọi người càng thêm nóng nảy-ngóng trông : Tiếng hoan-hô vui vẻ đã rầm rộ lại gần. Kìa đội thuyền liên-phong cờ bay phấp phới đã nhô ra và thoắt thoắt lướt lại

Hộp thư

O. de Faria Pakson : Báo đã gửi rồi. Bản số niên lịch đã nhận được, sẽ xin đăng - Cám ơn.

O. O. Tri, Di-Minh Tây Ninh - Đã tra số cũ đúng cả, Xin lỗi.

O. H. Séc Trang, Đà Nẵng. Xin gửi lại - quí ông, cảm ơn.

O. Vũ quý Vy haiphong, hết. Aout để hạn 3 tháng, ngài gửi Mandat 335. Xin anh gửi.

O. Trương đức-Nghĩa - Xinh hoan nghênh.

O. Phan văn Thúc lân an - Báo đã gửi nhưng không đủ - trừ tiền báo cũ đi gửi thêm 5\$ nữa nữa năm. Cám ơn.

với mọi con mắt mong mỏi : Năm chiếc thuyền vùn đi đầu cùng một kiêu, mũi cao vượt lên thành hình đầu phượng, đuôi lỏ ra như rẽ quạt, vó sâu đôi rầm chèo, đều tam lấp sò lên và đập xuống rẽ sóng đi phẳng phẳng, khiến người trông tưởng tượng như con phượng hoàng là là ngoi trên mặt nước. Trên thuyền có một cái lầu sơn xanh lợp mũi lượn, bốn bên che rèm đỏ hung-hung, ở trong thấp thoáng có hai vị quan đại thần đang ngồi nói chuyện. Chung quanh thuyền, một loạt võ sĩ áo mặc gọn gàng, vai đeo bao tén, tay trái dương cung, tay phải tra tên vào giầy cung, sẵn-sàng tìm sẵn chực gieo tên xuống như mưa vào những kẻ nào vô-lẽ toan có ý hội nghịch mạn thương. Năm chiếc thuyền kia đều đặn vượt lên, đến hai chiếc thuyền vệ binh, đi song đôi nhau, có lầu sơn đỏ, có cờ hiệu riêng, quân lính đứng chung quanh đều hàng. bỗng giơ, cầm kiếm sáng loáng rất ghê sợ. Rẽ hẳn ra hai bên sông, mỗi bên ba chiếc thuyền thẳng hàng dài, đi vằng vặc về lấy chiếc long thuyền của đức Vua Chương-Võ. Chiếc thuyền đầu rồng-dương dật mắt ngạo nghễ ra nhìn giời nước mênh mông, mỗi cái râu là một thanh kiếm sắc để thị oai. Thân thuyền và đuôi thuyền đều, thiếp vàng óng nướ. Trên thuyền cái lầu vàng chói lọi cao vượt lên, mái cong bốn góc, có bốn con rồng vàng bờ uốn khúc, nghều cổ lên giời. Giữa nóc có cái hình mặt giời đỏ rực rỡ. Ở đầu thuyền dưng một cây cờ cao chót vót, trên thêu chữ « Ng. y. » to tướng, đang phấp phới kiêu kỳ uất những hàng cờ chung quanh

(Còn nữa)
CHU-TUẬN

1) Vua Huệ-Tông nhà Lý tức đi Lạng giang, Trần Tự Kh. trực về cung cuối năm Bình-ý (21).

2) Nguyễn Nôn tự xưng là Chương-Võ hoàng đế chống nhau với nhà Trần

3) Bắc ninh bảy giờ, Nhà Lý đặt là phủ Thiên-đức ở Cổ pháp (1010).

4) Sông Đuống bị gở.

Hội Phụ-huynh học-sinh Việt-Nam

Ngũ định quan Thống Đứ Bắc-kỵ số 2622-A ngày 12 Mai 1943 đã cho phép Hội Phụ huynh học-sinh Việt-Nam hành-động trong địa-hạt Bắc-kỵ. Mục đích hội là :

1) Lập một đoàn-thể gồm các phụ huynh học-sinh và những người lưu-tạ ở đây để giáo-dục nước nhà.

2) Nối lại liên-lạc giữa đoàn-thể này với các nhà-viên giáo-giới công, tư, để đạt tới một công-độc hợp-tác chặt-chẽ và ích-lợi.

3) Sẵn-số để quyên-lợi của học-sinh, con em các học-viên.

4) Khuyến-kích sự-học, sự tập thể-thao và cổ-động làm điều thiện trong giới học-sinh. Đại-phần thưởng cho những học-sinh nào xuất-sắc về đức-hành, về học-hành hay thi cử có kết-quả tốt. Đặt thưởng tặng vị nào tận-tâm với nền giáo-dục nước nhà.

5) Giúp đỡ những học-viên túng thiếu bằng cách cấp cho con theo học. Phết tiền trợ-cấp hay học-bổng cho những học-sinh nghèo túng.

6) Hỗ trợ các học-sinh, con em các nhà-viên trong sự chọn nghề và nếu có dịp, hội sẽ giúp cho các học-sinh ấy có việc làm.

Mỗi học-viên đóng mỗi năm 2\$ Khẩu-g có lẽ phí nháp hộ.

N. B. Ngài nào còn biết thêm điều gì về hội, xin lại hỏi O. Đặng hánh Kiên là hội-trưởng (ở p. 6 Quan Thành Hạ-nh, giầy số 610) hay O. Nguyễn Văn Bè là thư-ký của hội (Tha Học như Đổng-dương, cạnh trường Cao Đẳng, Boulevard Bobillot Haasi).

Cải chính

Bài « Tạo Hóa và Nhân Loại » của Minh Tuyền. Tri Tân số 104 - trang 12 - giòng 3 : Ráo chán đọc là Ráo chán - giòng 8 : sại ào đọc là sại sào - giòng 47 : mảy ra đọc là mảy ra - giòng 53 : tức xe đọc là trục xe. Tri Tân số 105 - trang 13 - giòng 45 : thừa phư hồn - giòng 63 : thừa chữ máu.

NHỮNG SÁCH CỦA THU-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

ĐA XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết),
2. — THƠ NGU-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHAO VIỆT-NGŨ

của Lê-văn-Nghệ, Giá 0\$50

4. — LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

của PHẠM-QUỲNH

— 80 trang khổ 17x23 có nhiều tranh ảnh
của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.

Bản thường 0\$80 — Bản giấy Đại La 5\$00

5. — TRÉ CON HÁT, TRÉ CON CHƠI

của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập

khổ lớn 22x32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.

Bản thường 0\$50 — Bản giấy Đại La 5\$00

MỚI XUẤT BẢN

6. — Kim Vân Kiều tome II (trọn bộ)

bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH

460 trang khổ 17x23

có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH

Bản thường 3\$00 — Bản giấy Vergé bouffant 8\$50

7. — CHINH-PHỤ NGÂM

bản dịch Pháp-văn của Bùi-văn-Lãng, 120 trang

khổ 17x23, có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH

bản thường 1\$ — bản giấy Đại-La Impérial 5\$

Tổng phát-hành: Mai-Linh

21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐA CỐ BẢN :

KHẢO LUẬN VỀ KIM VAN KIEU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình
luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm,
có phụ cả Thanh-hiến thi tập và Bắc-hành
tập-lục.

Giá 2\$40

VÂN HÒA

29, Maréchal Pétain — Hué

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn. 51 mẫu chữ

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGOC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng từ điển
tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới đề ý đến quốc-
văn và ra chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho
xuất bản tập « Văn liệu Từ-diễn » đáng rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà vô điển
cổ, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang-Oán

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 18 x 25

Giá bán lẻ có 5\$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer — HAIPHONG



MỚI CÓ BẢN

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ

« SỨC KHỎE MỚI »

HAN THUYEN của P. N. KHUÊ — Giá 3\$50

25 g-43 có-bán

XÃ HỘI AI-CẬP

ĐỜI THƯỢNG CỎ

Trong bộ « Lịch sử Thế giới »

của NGUYEN ĐỨC QUỲNH

Giá 2\$50



Ở xa mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm
0\$40 cước đảm bảo về ô. Giám-đốc

HÀN-THUYỀN

71, Tiên-Tsin — HANOI

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaumont, Hanoi